

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

KHÔNG QUANG TRƯỜNG

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM THEO
PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN VĂN HIỂN

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực.

NGƯỜI CAM ĐOAN

KHÔNG QUANG TRƯỜNG

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ	7
1.1. Cơ sở lý luận về Hội đồng xét xử sơ thẩm trong tổ tụng hình sự	7
1.2. Địa vị pháp lý và thẩm quyền của Hội đồng xét xử sơ thẩm	18
Chương 2: PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG	22
2.1. Quá trình phát triển của pháp luật tổ tụng hình sự Việt Nam về Hội đồng xét xử sơ thẩm.....	22
2.2. Quy định của pháp luật tổ tụng hình sự hiện hành về Hội đồng xét xử sơ thẩm.....	27
2.3. Những bất cập, tồn tại trong thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật tổ tụng hình sự năm 2003 về Hội đồng xét xử sơ thẩm.....	41
Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ XÉT XỬ SƠ THẨM CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ	57
3.1. Hoàn thiện các quy định của bộ luật tổ tụng hình sự năm 2003 về Hội đồng xét xử sơ thẩm.....	57
3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.....	67
KẾT LUẬN	73
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	75

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Viết đầy đủ
BLHS:	Bộ luật hình sự
BLTTHS:	Bộ luật tố tụng hình sự
HLPL:	HLPL
HĐXX:	Hội đồng xét xử
HĐXXST:	Hội đồng xét xử sơ thẩm
HĐND:	Hội đồng nhân dân
TTHS:	Tố tụng hình sự
TSKH:	Tiến sỹ khoa học
TANDTC:	Tòa án nhân dân tối cao
TAND:	Tòa án nhân dân
TAQS:	Tòa án quân sự
VKSNDTC:	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
VKSND:	Viện kiểm sát nhân dân
UBTP:	Ủy ban Thẩm phán
UBMTTQ:	Ủy ban mặt trận Tổ quốc
UBND:	Ủy ban nhân dân
UBTV:	Ủy ban thường vụ

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xét xử là một hoạt động đặc thù của Tòa án để thực hiện quyền tư pháp (xét xử). Theo Hiến pháp năm 2013 của nước ta thì Tòa án là chủ thể duy nhất trong bộ máy nhà nước được giao thực hiện thẩm quyền này: *“TANDTC, các TAND địa phương, các TAQS và các Tòa án khác do luật định là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp”* (khoản 1 Điều 102).

Trong TTHS, xét xử sơ thẩm là khâu (hoạt động) đầu tiên của giai đoạn xét xử vụ án hình sự - giai đoạn trung tâm và giữ vai trò quyết định đối với toàn bộ quá trình TTHS. Bằng phán quyết của mình về vụ án Tòa án nhân danh Nhà nước kết tội đối với người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm hoặc tuyên bố họ vô tội: *“Không ai có thể bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội có HLPL của Tòa án”*. Đặc thù của hoạt động xét xử thể hiện ở chỗ quyền tư pháp (xét xử) của Tòa án được thực hiện thông qua Thẩm phán, Hội thẩm (HĐXX), hay nói cách khác HĐXX là chủ thể trực tiếp thực hiện quyền tư pháp. Vì vậy, địa vị pháp lý cũng như vai trò của HĐXX trong xã hội và trong TTHS nói riêng vô cùng quan trọng. Nghị quyết số 49-NQ/TW đã khẳng định: *“Tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm”* [11]. Mọi sự thiếu thận trọng, không khách quan, vô tư... của HĐXX đều có thể dẫn đến hậu quả rất nghiêm trọng, xâm phạm các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, thậm chí có thể tước bỏ cả quyền sống của con người, gây ảnh hưởng lớn đến uy tín của Nhà nước, gây mất lòng tin của nhân dân vào công lý.

Trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp, tổng kết thực tiễn thi hành BLTTHS năm 1988 và tiếp thu có chọn lọc thành tựu của khoa học pháp lý và kinh nghiệm lập pháp của các nước tiên

tiên, ngày 26/11/2003 Quốc hội khóa XI đã thông qua BLTTHS sửa đổi (BLTTHS năm 2003). BLTTHS năm 2003 đã bổ sung nhiều quy định mới theo hướng mở rộng dân chủ, đề cao tính tranh tụng trong xét xử; các quy định về HĐXX, về quyền hạn, trách nhiệm của Thẩm phán, Hội thẩm trong quá trình xét xử cũng được sửa đổi bổ sung cụ thể và đầy đủ hơn. Tuy nhiên, sau hơn 10 năm áp dụng, BLTTHS năm 2003 nói chung và các quy định về HĐXX nói riêng đã bộc lộ nhiều bất cập, không phù hợp với vị trí, vai trò và chức năng xét xử của Tòa án... Vì vậy, nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 48-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 27/11/2015 Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật số 101/2015/QH13 về BLTTHS sửa đổi (BLTTHS năm 2015). Tuy chưa có hiệu lực thi hành nhưng BLTTHS mới nói chung và các quy định về HĐXX nói riêng cho thấy các bất cập, tồn tại của BLHS năm 2003 vẫn chưa được khắc phục triệt để. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu lý luận về HĐXX (và HĐXXST nói riêng) nhằm làm rõ vai trò và địa vị pháp lý của chủ thể này trong TTHS, phân tích những bất cập, hạn chế trong các quy định của BLTTHS hiện hành (và cả các quy định của BLTTHS năm 2015) về HĐXXST, trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật TTHS và nâng cao hiệu quả xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự là vấn đề cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Các luận cứ nêu trên chính là lý do để tác giả lựa chọn vấn đề “***Hội đồng xét xử sơ thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam***” làm đề tài Luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ở nước ta đã có nhiều công trình nghiên cứu ở các góc độ khác nhau về các chủ thể (HĐXX, Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Điều tra viên, Luật sư...) cũng như về địa vị pháp lý của các chủ thể này trong TTHS, trong đó có

một số Luận văn Thạc sĩ Luật học nghiên cứu về các vấn đề này như: “Địa vị pháp lý của Hội thẩm trong Luật TTHS Việt Nam” (2000), Luận văn thạc sĩ luật học của Hoàng Văn Hạnh; “Các chức năng tổ tụng cơ bản trong TTHS” (2001), Luận văn thạc sĩ luật học của Lê Tiến Châu; Nhiều bài viết của các nhà khoa học và cán bộ thực tiễn về các vấn đề liên quan đến HĐXX đăng trên các báo và tạp chí chuyên ngành như: “Một số vấn đề về chế định Hội thẩm nhân dân” của Chánh án TANDTC Trương Hòa Bình, <http://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Mot-so-van-de-ve-che-dinh-Hoi-tham-nhan-dan/155171.vgp>; “Nguyên tắc việc xét xử của Tòa án có Hội thẩm nhân dân tham gia, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán: Thực tiễn và những bất cập” của tác giả Trần Kỳ, <https://luathinhsu.wordpress.com/2012/01/05/nguyen-tac-viec-xet-xu-cua-toa-an-nhan-dan-co-hoi-tham-nhan-dan-tham-gia-hoi-tham-ngang-quyen-voi-tham-phan-thuc-tien-va-nhung-bat-cap/>; “Nguyên tắc suy đoán vô tội” (2006) của PGS TS. Nguyễn Thái Phúc, Tạp chí Nhà nước pháp luật số 11; “Địa vị pháp lý của những người tiến hành tố tụng” (2008) của TS. Nguyễn Văn Tuấn, Tạp chí TAND số 02; "Cải cách tư pháp và việc hoàn thiện các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự Việt Nam" (2012), Tạp chí Kiểm sát số 08 và “Xác định Tòa án có vị trí trung tâm, xét xử là hoạt động trọng tâm” của GS.TSKH Đào Trí Úc, <http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/79/276>; “Vị trí, chức năng của TAND trong Hiến pháp năm 2013” của PGS. TS Trần Văn Độ, <http://moj.gov.vn/npl/Pages/dm-tai-lieu-tham-khao.aspx?ItemID=13>; "Về quyền tư pháp, hoạt động tư pháp, cơ quan tư pháp, kiểm sát hoạt động tư pháp" của PGS TS Trần Đình Nhã, http://tks.edu.vn/portal/detailtks/6756_67_Mot-so-van-de-ve-quyen-tu-phap,-hoat-dong-tu-phap,-co-quan-tu-phap,-kiem-sat-hoat-dong-tu-phap.html;...

Ngoài ra, các đề tài khoa học, sách chuyên khảo, bình luận, giáo trình cũng đề cập về HĐXXST ở các mức độ khác nhau như: “Hoàn thiện pháp luật

TTHS nhằm nâng cao hiệu quả xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp” (2009), Đề tài khoa học cấp trường của Đại học luật Hà Nội; “Thẻ chế tư pháp trong Nhà nước pháp quyền” (2004) của GS. TS Nguyễn Đăng Dung, NXB Tư pháp; Giáo trình Luật TTTHS Việt Nam (2012) của Đại học Luật Hà Nội...

Qua nghiên cứu các công trình nêu trên cho thấy, HĐXXST đã được nghiên cứu ở các góc độ, phạm vi khác nhau. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống và toàn diện về HĐXXST kết hợp so sánh với các quy định của BLTTTHS năm 2015. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu về HĐXXST trong TTTHS, chỉ ra những bất cập, tồn tại trong các quy định của BLTTTHS hiện hành cũng như của BLTTTHS năm 2015 về HĐXXST, những vướng mắc trong thực tiễn và nguyên nhân làm cơ sở để đưa ra một số giải pháp tiếp tục hoàn thiện pháp luật TTTHS nói chung (và các quy định về HĐXXST nói riêng) và nâng cao hiệu quả xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự là nhu cầu cấp thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn có mục đích nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống về HĐXXST nhằm làm sáng tỏ khái niệm, địa vị pháp lý (vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn) của HĐXXST; quá trình phát triển của pháp luật TTTHS Việt Nam về HĐXXST; quy định của pháp luật TTTHS Việt Nam hiện hành về HĐXXST và những bất cập, tồn tại khi áp dụng các quy định này trong thực tiễn để làm cơ sở đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật TTTHS nói chung và về HĐXXST nói riêng TTTHS và nâng cao hiệu quả xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

Luận văn tập trung nghiên cứu một số vấn đề cơ bản về HĐXXST trong TTTHS, cụ thể là:

- Cơ sở lý luận, khái niệm, địa vị pháp lý và thẩm quyền của HĐXXST
- Lịch sử phát triển của pháp luật TTTHS Việt Nam về HĐXXST;

- Quy định của BLTTHS Việt Nam hiện hành về HĐXXST và những bất cập, tồn tại của các quy định này (có so sánh với các quy định tương ứng của BLTTHS mới);

- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật TTHS về HĐXXST và nâng cao hiệu quả xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự ở nước ta.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận văn bao gồm các vấn đề sau:

- Nghiên cứu một số vấn đề chung (cơ sở lý luận, khái niệm, đặc điểm, địa vị pháp lý và thẩm quyền) của HĐXXST làm cơ sở cho việc phân tích các quy định của pháp luật TTHS về vấn đề này.

- Phân tích, làm rõ các quy định của BLTTHS hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan về HĐXXST.

- Chỉ ra những bất cập, hạn chế trong các quy định của BLTTHS hiện hành (có so sánh với các quy định tương ứng của BLTTHS mới) về HĐXXST và nguyên nhân;

- Đưa ra một số giải pháp tiếp tục hoàn thiện các quy định của BLTTHS về HĐXXST và nâng cao hiệu quả xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

Phạm vi nghiên cứu của Luận văn là chế định HĐXXST trong TTHS, các quy định của pháp luật TTHS hiện hành, BLTTHS năm 2015 và các văn bản hướng dẫn áp dụng; thực tiễn áp dụng các quy định của BLTTHS về HĐXXST.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối và các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN và cải cách tư pháp.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện đề tài tác giả còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phân tích - tổng hợp, hệ thống, so sánh, thống kê, khảo sát thực tiễn, đồng thời tham khảo nhằm kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học về vấn đề này và các vấn đề liên quan. Các kết luận và đề xuất trong Luận văn đều dựa trên cơ sở phân tích lý luận, thực tiễn và xu hướng phát triển của nền tư pháp Việt Nam trong tương lai.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn góp phần bổ sung về lý luận cho khoa học Luật TTTHS khi làm sáng tỏ đầy đủ hơn về khái niệm, vị trí, vai trò và thẩm quyền của HĐXXST; chỉ ra những bất cập, hạn chế trong BLTTTHS hiện hành về HĐXXST và những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật TTTHS và nâng cao chất lượng xét xử các vụ án hình sự đề xuất trong Luận văn có thể sử dụng để tham khảo trong quá trình sửa đổi bổ sung BLTTTHS.

Ngoài ra, Luận văn là tài liệu bổ ích cho những người quan tâm về vấn đề này hoặc có thể sử dụng tham khảo trong công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập ở các cơ sở đào tạo luật và cán bộ thực tiễn.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài Lời mở đầu, Mục lục, Kết luận và Tài liệu tham khảo, Luận văn được kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1. Một số vấn đề chung về Hội đồng xét xử sơ thẩm trong tố tụng hình sự.

Chương 2. Pháp luật tố tụng hình sự Việt nam hiện hành về Hội đồng xét xử sơ thẩm và thực tiễn áp dụng.

Chương 3. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự về Hội đồng xét xử sơ thẩm và một số giải pháp nâng cao hiệu quả xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

1.1. Cơ sở lý luận về Hội đồng xét xử sơ thẩm trong tổ tụng hình sự

1.1.1. Chế định Hội đồng xét xử sơ thẩm trong tổ tụng hình sự

Về bản chất thì nhân dân là chủ thể cao nhất của quyền lực nhà nước (hay nói cách khác tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân). Do vậy, đảm bảo sự tham gia của nhân dân trong việc thực hiện và kiểm soát quyền lực nhà nước (quản lý nhà nước, quản lý xã hội) là yêu cầu tất yếu và quan trọng đặt ra đối với bất kỳ một nhà nước dân chủ, tiến bộ nào. Xét xử là hoạt động của Tòa án nhằm thực hiện quyền tư pháp (một trong ba nhánh quyền lực nhà nước). Sự tham gia của nhân dân vào hoạt động xét xử là một chế định thể hiện bản chất dân chủ, tiến bộ của nền tư pháp và được coi là một trong những nguyên tắc cơ bản mang tính hiến định được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật của nhiều quốc gia. Sự tham gia của nhân dân vào công tác xét xử của Tòa án là rất cần thiết xuất phát từ hết từ chỗ pháp luật chỉ là những khuôn mẫu chung khá cứng nhắc được xây dựng trên sự đồng thuận theo tỷ lệ mà xã hội chấp nhận được mà không phải là sự đồng thuận tuyệt đối, cho nên pháp luật cũng không phải là một giá trị tuyệt đối đúng có thể áp dụng cho mọi trường hợp. Mặt khác, pháp luật cũng chỉ là một loại quy phạm xã hội có giá trị áp dụng cao nhất chứ không phải là toàn bộ các quy phạm xã hội và có thể thay thế các quy phạm xã hội khác trong đời sống hàng ngày. Vì vậy, quá trình xét xử cần thiết phải có tiếng nói từ thực tiễn xã hội (của nhân dân) nhằm bảo đảm không chỉ sự “thấu tình, đạt lý” của các phán quyết có tính quyết định đối với một quan hệ xã hội (hay một người) nào đó, mà còn thể hiện tính nhân dân của Nhà nước pháp quyền... [1].

Tuy nhiên, hình thức tham gia xét xử của nhân dân ở các nước được thể hiện rất khác nhau với chế định Bồi thẩm đoàn hoặc chế định Hội thẩm. Chế định Bồi thẩm đoàn được áp dụng không chỉ ở các nước thuộc hệ thống luật án lệ (như Anh, Mỹ,...) mà cả ở một số nước thuộc hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa (như Pháp, Đức, Nga,...). Ví dụ: tại khoản 2 Điều 3 Hiến pháp của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ quy định: “Mọi Tòa án xét xử các vụ trọng tội, trừ những trường hợp bị luận tội, phải được xét xử theo thể thức bồi thẩm đoàn...” [45]. Một số nước khác lại áp dụng chế định Hội thẩm, theo đó Hội đồng xét xử có thể bao gồm Thẩm phán chuyên nghiệp và Thẩm phán không chuyên nghiệp (ví dụ: Theo quy định của BLTTHS Hàn Quốc (Điều 352), khi xét xử các vụ án hình sự sơ thẩm nghiêm trọng, thì Hội đồng xét xử bao gồm 03 Thẩm phán và 06 Hội thẩm) [53]. Một số nước khác lại quy định chỉ các Thẩm phán chuyên nghiệp mới có thẩm quyền xét xử (ví dụ: Nhật Bản).

Ở Việt Nam, chế định Hội thẩm là sự thể hiện tập trung và nét rõ nhất sự tham gia của nhân dân vào hoạt động xét xử của Tòa án, thể hiện tư tưởng “lấy dân làm gốc”, bản chất nhà nước của dân, do dân và vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và được ghi nhận trong tất cả các Hiến pháp của nước ta từ năm 1946 đến nay [2]. Theo quy định của Luật tổ chức TAND năm 2014 (và Hiến pháp năm 2013) thì “TAND là cơ quan xét xử..., thực hiện quyền tư pháp.... có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân,...” (Điều 2) và hoạt động xét xử của Tòa án được thực hiện theo nguyên tắc “chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm” (Điều 6). Theo nguyên tắc này thì sơ thẩm là cấp xét xử thứ nhất và phúc thẩm là cấp xét xử thứ hai, còn giám đốc thẩm hoặc tái thẩm không phải là cấp xét xử mà chỉ là thủ tục tố tụng đặc biệt để xem xét lại các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có vi phạm pháp luật hoặc có tình tiết mới. Xét xử sơ thẩm được hiểu là “lần đầu tiên đưa vụ

án ra xét xử tại một Tòa án có thẩm quyền” [51, tr.870], “là việc xét xử lần thứ nhất (cấp thứ nhất) do Tòa án được giao thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật”, kể cả trường hợp một vụ án bị Tòa án cấp trên (phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm) huỷ bản án để xét xử sơ thẩm lại [25].

Trong TTHS chế định HĐXXST là sự cụ thể hóa hai nguyên tắc hiến định được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 (Điều 103), Luật tổ chức TAND năm 2014 (Điều 8 và Điều 10) và BLTTHS năm 2015 (Điều 22 và Điều 24): “Việc xét xử sơ thẩm của Tòa án có Hội thẩm tham gia theo quy định của luật tố tụng, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn “Toàn án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn”. Theo quy định này theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn”. Theo các quy định này thì trong đa số các trường hợp việc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự do HĐXX thực hiện, còn trường hợp áp dụng thủ tục rút gọn thì việc xét xử án do một Thẩm phán tiến hành (Điều 463 BLTTHS năm 2015).

1.1.2. Khái niệm và các đặc điểm của Hội đồng xét xử sơ thẩm

* ***Khái niệm Hội đồng xét xử sơ thẩm:*** Theo Từ điển luật học thì HĐXX (sơ thẩm) là “*Hội đồng gồm các Thẩm phán và Hội thẩm do Tòa án có thẩm quyền lập ra để nhân danh Nhà nước trực tiếp xét xử tại phiên tòa các vụ án và ra bản án hoặc quyết định đối với các vụ án*” [51, tr.386]. Khi xét xử sơ thẩm, HĐXX có trách nhiệm giải quyết toàn bộ vụ án, mọi chứng cứ tài liệu được thu thập ở giai đoạn điều tra hoặc bổ sung đều được xem xét, thẩm tra, đánh giá công khai tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng được trình bày ý kiến và tranh luận bình đẳng tại phiên tòa. Đây là điểm khác biệt giữa xét xử sơ thẩm với các cấp xét xử khác (phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm).

Thực tiễn xét xử cho thấy tất cả các vụ án hình sự bị đưa ra xét xử đều phải qua xét xử sơ thẩm. Vì vậy, đây là hoạt động thường xuyên và chủ yếu trong các hoạt động xét xử của toàn ngành của TAND nói chung và của các Tòa án cấp sơ thẩm nói riêng. Đây cũng là hoạt động tác động đến rất nhiều mặt (chính trị, kinh tế, xã hội...) của đời sống xã hội và trực tiếp tác động đến các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đặc biệt là đối với bị cáo. Theo quy định của pháp luật TTHS hiện hành, chỉ có các TAND cấp huyện (TAQS khu vực) và TAND cấp tỉnh (TAQS cấp quân khu) mới có thẩm quyền xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

Theo quy định của BLTTHS năm 2015 thì Thẩm phán và Hội thẩm được Chánh án Tòa án phân công xét xử vụ án (điểm b khoản 1 Điều 44). Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra một trong các quyết định sau (khoản 1 Điều 277):

- a) Đưa vụ án ra xét xử;
- b) Trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung;

Trong quyết định đưa vụ án ra xét xử phải ghi rõ họ tên Thẩm phán, Hội thẩm và Thẩm phán dự khuyết, Hội thẩm dự khuyết nếu có (Điều 255). Như vậy, về mặt pháp lý HĐXXST không phải là bộ phận thường trực trong cơ cấu tổ chức của Tòa án mà chỉ là chủ thể mang tính “lâm thời” được thành lập trên cơ sở phân công của Chánh án và quyết định đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và sẽ tự giải tán sau khi xét xử xong vụ án đó (kết thúc phiên tòa).

Xuất phát từ địa vị pháp lý đặc biệt của Tòa án (là cơ quan thực hiện quyền tư pháp có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân...), nhằm bảo đảm sự thận trọng, tính khách quan, công bằng và chính xác ra phán quyết về số phận con người (bị cáo), đồng thời căn cứ vào

tính chất của các vụ án hình sự mà BLTTHS có quy định khác nhau về thành phần HĐXXST, cụ thể là:

a) Trường hợp xét xử các vụ án về tội có mức cao nhất của khung hình phạt không phải là tù chung thân, tử hình, thì HĐXXST gồm 01 Thẩm phán và 02 Hội thẩm (khoản 1 Điều 254).

b) Trường hợp xét xử vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp thì HĐXXST có thể gồm 02 Thẩm phán và 03 Hội thẩm (khoản 1 Điều 254).

c) Trường hợp xét xử vụ án có bị cáo bị xét xử về tội mà mức cao nhất của khung hình phạt là tù chung thân, tử hình, thì HĐXXST bắt buộc phải có 02 Thẩm phán và 03 Hội thẩm (khoản 2 Điều 254).

Ngoài các thành viên chính thức, HĐXXST còn có thể có Thẩm phán và Hội thẩm dự khuyết. Các thành viên này phải có mặt tại phiên tòa từ đầu mới được tham gia xét xử. Trường hợp xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội thì HĐXXST bắt buộc phải có 01 Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên hay người có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi (khoản 1 Điều 423). Trong mọi trường hợp, Chủ tọa phiên tòa bắt buộc phải là Thẩm phán và các Hội thẩm luôn chiếm đa số (02/03 hoặc 03/05) trong HĐXX.

Theo Luật tổ chức TAND năm 2014, Thẩm phán “là công dân Việt Nam, trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần dũng cảm và kiên quyết bảo vệ công lý, liêm khiết và trung thực; Có trình độ cử nhân luật trở lên; Đã được đào tạo nghiệp vụ xét xử; Có thời gian làm công tác thực tiễn pháp luật; Có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao được Chủ tịch nước bổ nhiệm để làm nhiệm vụ xét xử” (Điều 65 và Điều 67). Hội thẩm “là công dân Việt Nam, trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt; Có kiến thức pháp luật; Có hiểu biết xã hội; Có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được

giao” (Điều 85) được HĐND có thẩm quyền bầu theo sự lựa chọn và giới thiệu của UBMTTQ Việt Nam cùng cấp. (Điều 86). Việc quy định về các điều kiện và tiêu chuẩn này của Thẩm phán và Hội thẩm nhằm bảo đảm để họ có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không làm oan người vô tội.

Từ phân tích trên, có thể rút ra khái niệm sau: *HĐXXST là Hội đồng gồm Thẩm phán và các Hội thẩm do Tòa án có thẩm quyền lập ra để thực hiện quyền tư pháp - xét xử sơ thẩm đối với một vụ án hình sự cụ thể tại phiên tòa và ra phán quyết nhân danh Nhà nước về vụ án đó”.*

*** Các đặc điểm của HĐXXST:** Từ, phân tích trên về khái niệm HĐXXST có thể rút ra một số đặc điểm sau đây của HĐXXST:

1) Xét xử sơ thẩm là cấp xét xử lần đầu và là khâu đầu tiên của giai đoạn xét xử vụ án hình sự do HĐXXST thực hiện.

2) Thành phần HĐXXST được quy định khác nhau (03 hoặc 05 thành viên) tùy thuộc vào tính chất của vụ án hình sự được đưa ra xét xử. Trong mọi trường hợp thì Chủ tọa phiên tòa phải là Thẩm phán và các Hội thẩm luôn chiếm đa số trong HĐXX.

3) HĐXXST là chủ thể “lâm thời” được Tòa án thành lập để trực tiếp thực hiện quyền tư pháp (xét xử) đối với một vụ án cụ thể và tự giải tán sau khi phiên tòa kết thúc.

4) Việc xét xử sơ thẩm vụ án được tiến hành trên cơ sở cáo trạng của Viện kiểm sát theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

5) HĐXXST thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số mọi vấn đề cần giải quyết trong vụ án và bằng bản án nhân danh Nhà nước tuyên bố một người là phạm tội hoặc không phạm tội.

1.1.3. Các nguyên tắc hoạt động của Hội đồng xét xử sơ thẩm

Theo Từ điển tiếng Việt thì “*nguyên tắc là điều cơ bản định theo, nhất*

thiết phải tuân theo” [45, tr.1077]. Về khái niệm nguyên tắc cơ bản của TTHS hiện nay trong Khoa học luật TTHS còn có ý kiến khác nhau. Tuy nhiên, theo đa số các nhà khoa học thì các nguyên tắc cơ bản của TTHS là những phương châm, định hướng quan trọng chi phối toàn bộ hay một số giai đoạn của quá trình TTHS, quá trình xây dựng và áp dụng pháp luật TTHS, được quy định trong BLTTHS mà các chủ thể tham gia vào quá trình TTHS, các cơ quan nhà nước, tổ chức và mọi công dân phải tuân theo [24, tr.232]. Các nguyên tắc này bảo đảm cho các hoạt động TTHS được tiến hành theo đúng các quy định của pháp luật nhằm đạt được mục đích đặt ra của TTHS là “phát hiện chính xác và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội”.

Là một hoạt động giữ vai trò trung tâm của quá trình TTHS, hoạt động xét xử cũng phải tuân theo những nguyên tắc chung được quy định trong BLTTHS, trong đó các nguyên tắc như: Suy đoán vô tội; Xác định sự thật của vụ án; Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số có tác động trực tiếp đến hoạt động của HĐXXST.

*** Nguyên tắc suy đoán vô tội:** Đây là một trong các nguyên tắc hiến định của TTHS được quy định tại Điều 72 Hiến pháp và Điều 13 BLTTHS năm 2015: “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”. Theo nguyên tắc này thì một người bị khởi tố, điều tra, truy tố và bị đưa ra xét xử tại phiên tòa vẫn được coi là không có tội. Kể cả trong trường hợp Tòa án (HĐXX) đã tuyên bản án kết tội và áp dụng hình phạt đối

với bị cáo, thì họ cũng vẫn được coi là không có tội cho đến khi bản án kết tội này có HLPL. Nguyên tắc suy đoán vô tội đòi hỏi tại phiên tòa HĐXX và các chủ thể tham gia tố tụng khác phải có thái độ tôn trọng, không được định kiến, không được đối xử với bị cáo như người có tội. Việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa phải bảo đảm sự vô tư, khách quan mà không được suy diễn hay kết luận không có căn cứ.

Tuy nhiên, trên thực tế nhiều trường hợp việc nhận thức và thực hiện nguyên tắc này không đúng và thống nhất. Không ít chủ thể tiến hành tố tụng (Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm) vẫn định kiến đối với bị cáo, coi họ là có tội ngay khi đang xét xử nên có thái độ ép buộc bị cáo nhận tội, suy diễn theo hướng bị cáo có tội. Nhiều trường hợp trên các phương tiện thông tin đại chúng người ta đã “kết án” khi gọi bị cáo “tên giết người”, “tên tội phạm”, mặc dù trên thực tế vụ án mới chỉ được khởi tố, điều tra hoặc đang xét xử. Đây là những biểu hiện vi phạm nguyên tắc suy đoán vô tội cần được khắc phục.

*** Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án:** Điều 15 BLTTHS năm 2015 quy định như sau: “Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ”. Đây là nguyên tắc xuyên suốt toàn bộ quá trình TTHS nhằm bảo đảm để xác định sự thật khách quan làm cơ sở để Tòa án đưa ra phán quyết đúng đắn về vụ án. Nguyên tắc này đòi hỏi HĐXX phải kiểm tra xác minh tính hợp pháp và đánh giá một cách khách quan, đầy đủ và toàn diện tất cả các chứng cứ (cả buộc tội và gỡ tội), tài liệu được thu thập và được đưa ra tại phiên tòa cũng như các tình tiết khác có liên quan để từ đó đưa ra phán quyết đúng đắn về vụ án.

Tuy nhiên, giữa các nhà khoa học cũng như cán bộ thực tiễn đang có các ý kiến khác nhau về nguyên tắc này. Ý kiến thứ nhất cho rằng, quy định về nguyên tắc này trong BLTTHS hiện hành là phù hợp, nó gắn trách nhiệm xác định sự thật của vụ án và chứng minh tội phạm cho cả Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án [18]. Ý kiến thứ hai cho rằng, cần loại bỏ quy định trách nhiệm chứng minh tội phạm của Tòa án với lý do Tòa án là người thực hiện chức năng xét xử, còn trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về chức năng buộc tội và phải do các chủ thể của bên buộc tội thực hiện. Việc quy định Tòa án có trách nhiệm chứng minh tội phạm là không phù hợp với vai trò trọng tài “cầm cân công lý” của Tòa án. Mặt khác, quy định này còn dẫn đến tình trạng bất bình đẳng giữa bên buộc tội và bên bào chữa vì HĐXX luôn đứng về phía bên buộc tội [12; 24, tr.35 - 36]. Chúng tôi đồng tình với quan điểm thứ hai và cho rằng, đây là một trong những bất cập của BLTTHS cần được sửa đổi.

*** Nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật** (Điều 23 BLTTHS năm 2015): Đây là một trong các nguyên tắc hiến định thể hiện sự đặc thù quan trọng nhất của hoạt động xét xử. Nguyên tắc này thể hiện ở các nội dung sau:

Thứ nhất, khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm độc lập. Nội dung này đòi hỏi Thẩm phán và Hội thẩm phải độc lập, khách quan trong xem xét đánh giá các chứng cứ, tài liệu đã được kiểm tra, làm rõ tại phiên tòa để đưa ra bản án, quyết định về vụ án trên cơ sở các quy định của pháp luật mà không chịu sự tác động của bất kỳ yếu tố khách quan, chủ quan nào.

- Độc lập với những yếu tố khách quan (bên ngoài) thể hiện ở chỗ khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm độc lập với Tòa án cấp trên, với Lãnh đạo Tòa án cấp mình, với cấp ủy Đảng, độc lập đối với các yêu cầu, sự đánh giá của các chủ thể tiến hành và tham gia tố tụng về các chứng cứ, tài liệu, các tình

tiết của vụ án, với dư luận xã hội, báo chí...

- Độc lập với những yếu tố chủ quan (bên trong) thể hiện ở chỗ Thẩm phán và Hội thẩm tự do xem xét, đánh giá chứng cứ và đưa ra kết luận theo quan điểm của mình trên cơ sở quy định của pháp luật. Khi nghị án, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán và độc lập đưa ra ý kiến, kết luận của mình về tất cả các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Thẩm phán phải tôn trọng và không được áp đặt quan điểm của mình đối với các Hội thẩm, Thẩm phán biểu quyết sau cùng. Bản án thể hiện quan điểm đa số thành viên trong HĐXX.

Thứ hai, Thẩm phán và Hội thẩm chỉ tuân theo pháp luật. Nội dung này đòi hỏi, khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm phải căn cứ vào các quy định pháp luật nội dung (BLHS, BLDS...) để đưa ra các phán quyết của mình về vụ án mà không chịu sự tác động nào khác.

Thứ ba, các cơ quan, tổ chức, cá nhân không được can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm dưới bất kỳ hình thức nào. Nội dung này chỉ nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của hai nội dung nêu trên.

Độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật là hai nội dung quan hệ chặt chẽ với nhau. Chỉ khi Thẩm phán và Hội thẩm độc lập xét xử thì họ mới có thể chỉ tuân theo pháp luật và ngược lại. Và chỉ khi đó, Thẩm phán và Hội thẩm mới đề cao trách nhiệm và chất lượng xét xử mới được nâng cao, công lý mới được thực thi. Thực tiễn ở nước ta cho thấy, nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật chưa có cơ chế hữu hiệu để bảo đảm tính khả thi của nó. Sự can thiệp vào hoạt động xét xử vẫn xảy ra phổ biến ở cả ở Trung ương và địa phương dưới nhiều hình thức: “chỉ đạo án”, “duyet án”, “xin ý kiến Tòa án cấp trên” hoặc bị tác động từ nhiều phía (cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương, các hiện tượng tiêu cực “chạy án”). Mặt khác, Thẩm phán và Hội thẩm chưa “*dám*” độc lập xét xử một phần do trình độ năng lực hạn chế, nể nang, phụ thuộc vào lãnh đạo hoặc sợ không được tái bổ nhiệm

hoặc bị tác động của các hiện tượng tiêu cực. Vì vậy, cần sớm thiết lập cơ chế hữu hiệu bảo đảm tính khả thi của nguyên tắc này trên thực tế.

* ***Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử***: Sau một thời gian rất dài tranh cãi trong giới khoa học pháp lý, cuối cùng tranh tụng trong xét xử được BLTTHS năm 2015 (Điều 26) ghi nhận với tư cách là một trong các hiến định, nguyên tắc cơ bản của TTHS. Có thể nói, nguyên tắc tranh tụng trong TTHS giữ vai trò cốt lõi, đồng thời cũng là tiền đề khách quan cần thiết để đạt được mục tiêu của TTHS là xác định sự thật khách quan về vụ án với các lý do sau đây:

Thứ nhất, nguyên tắc tranh tụng là cơ sở để phân định rõ ràng, tách bạch các chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử giữa bên buộc tội, bên bào chữa và Tòa án, theo đó mỗi nhóm chủ thể này chỉ được thực hiện một chức năng mà không được phép đồng thời vừa buộc tội vừa bào chữa hoặc ngược lại, vừa xét xử vừa buộc tội hay vừa xét xử vừa bào chữa.

Thứ hai, nguyên tắc này là cơ sở để xác định tư cách của hai nhóm chủ thể thực hiện chức năng buộc tội và chức năng bào chữa là "các bên tranh tụng" có lợi ích đối lập, bình đẳng với nhau và phải được bảo đảm các khả năng pháp lý như nhau để bảo vệ các lợi ích của mình.

Thứ ba, nguyên tắc tranh tụng còn xác định địa vị độc lập, khách quan của Tòa án với tư cách là chủ thể thực hiện quyền tư pháp và vai trò trọng tài giữa hai bên tranh tụng. Tòa án (HĐXX) có trách nhiệm bảo đảm quyền bào chữa cho bị cáo, điều khiển quá trình tranh tụng giữa bên buộc tội và bên bào chữa để đưa ra phán xét công minh, nhân danh Nhà nước tuyên bố bị cáo là vô tội hay có tội và áp dụng hình phạt đối với họ.

Vì vậy, có thể nói nguyên tắc tranh tụng chính là cơ sở pháp lý không chỉ tạo sự bình đẳng về thế và lực giữa bên buộc tội (các chủ thể thực thi chức năng buộc tội: Cơ quan điều tra/ Điều tra viên, Viện kiểm sát/ Kiểm sát viên)

và bên bị buộc tội (người bị buộc tội, người bào chữa là các chủ thể luôn ở địa vị yếu thế hơn) mà còn đề cao vai trò trọng tài của Tòa án. Không có tranh tụng và không bảo đảm được sự tranh tụng khách quan, bình đẳng thì TTHS nói chung (và hoạt động xét xử nói riêng) sẽ mang tính phiến diện, định kiến và luôn tiềm ẩn những sai lầm trong các quyết định của các cơ quan tố tụng.

Ngoài các nguyên tắc cơ bản nêu trên, hoạt động xét xử nói chung và hoạt động của HĐXXST nói riêng còn chịu sự chi phối ở mức độ khác nhau của các nguyên tắc cơ bản khác (như: Bảo đảm quyền bào chữa; Bảo đảm sự vô tư của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng; Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số...). Tuy nhiên, do phạm vi hạn chế của Luận văn nên tác giả không có điều kiện đề cập sâu về các nguyên tắc này.

1.2. Địa vị pháp lý và thẩm quyền của Hội đồng xét xử sơ thẩm

1.2.1. Địa vị pháp lý của Hội đồng xét xử sơ thẩm

Địa vị pháp lý là một thuật ngữ có thể được hiểu theo nhiều cách. Theo nghĩa đơn giản thì địa vị pháp lý của một chủ thể được hiểu là tổng thể các quyền và nghĩa vụ của chủ thể đó theo quy định của pháp luật. Ở nghĩa khác, địa vị pháp lý còn được hiểu là quyền hạn và trách nhiệm của một chủ thể trong quan hệ với các chủ thể khác do pháp luật quy định. Theo Từ điển Luật học thì *“địa vị pháp lý là vị trí của chủ thể pháp luật trong mối quan hệ với những chủ thể pháp luật khác trên cơ sở các quy định của pháp luật. Địa vị pháp lý của chủ thể pháp luật được thể hiện thành một tổng thể các quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể, qua đó xác lập cũng như giới hạn khả năng của chủ thể trong các hoạt động của mình”* [49, tr. 244].

Địa vị pháp lý của TAND được xác định trong Nghị quyết số 49-NQ/TW là trung tâm của hệ thống tư pháp và hoạt động xét xử của Tòa án là hoạt động trọng tâm: *“Tòa án là trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm”* [11]. Hiến pháp năm 2013 ghi nhận, Tòa án là cơ quan nhà nước duy nhất

thực hiện quyền tư pháp và có thẩm quyền nhân danh Nhà nước tuyên bố một người là phạm tội hay không phạm tội "*Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có HLPL*" (khoản 1 Điều 31). Theo GS TSKH Đào Trí Úc [50] thì địa vị pháp lý đặc biệt của Tòa án được xuất phát không chỉ từ vai trò và thẩm quyền của Tòa án được Hiến pháp quy định mà còn do yêu cầu bảo đảm quyền con người của bị cáo được ghi nhận trong Công ước của Liên hợp quốc về các quyền dân sự và chính trị 1966: "*Bất kỳ người nào đều có quyền đòi hỏi việc xét xử công bằng và công khai do một Tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị và được lập ra trên cơ sở pháp luật để quyết định về lời buộc tội trong vụ án hình sự...*" (Điều 14.1) [21]. Địa vị pháp lý đặc biệt của Tòa án không chỉ thể hiện ở chỗ Tòa án nhân danh Nhà nước để đưa ra phán quyết về vụ án mà cả ở việc sửa bản án, hủy bản án cũng chỉ có thể do các Tòa án cấp cao hơn thực hiện.

Như vậy, có thể thấy địa vị pháp lý hiến định của Tòa án cũng là cơ sở để xác định địa vị pháp lý của HĐXX trong TTHS. Tuy nhiên, Tòa án và HĐXX (và HĐXXST) là hai chủ thể không đồng nhất nên địa vị pháp lý của chúng khác nhau. Tòa án là một cơ quan thường trực, độc lập có tư cách pháp nhân và là chủ thể duy nhất trong hệ thống các cơ quan nhà nước thực hiện quyền tư pháp (xét xử) các vụ án nói chung và các vụ án hình sự nói riêng. Mặt khác, đặc thù của hoạt động xét xử thể hiện ở chỗ quyền tư pháp (thẩm quyền xét xử) của Tòa án chỉ có thể được thực hiện thông qua các Thẩm phán, Hội thẩm (HĐXX). Do đó, có thể nói HĐXX nói chung và HĐXXST nói riêng, chính là chủ thể trực tiếp thực hiện quyền tư pháp (xét xử). Tuy nhiên, khác với Tòa án, HĐXXST không phải là tổ chức thường trực trong cơ cấu tổ chức của Tòa án mà chỉ là chủ thể "*lâm thời*" được thành lập (trên cơ sở quyết định đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa) để xét

xử một vụ án cụ thể và tự động giải tán sau khi phiên tòa kết thúc. Vì vậy, mối quan hệ giữa địa vị pháp lý của Tòa án và địa vị pháp lý của HĐXXST là mối quan hệ giữa “cái chung” và “cái riêng” và địa vị pháp lý của HĐXXST bị giới hạn trong phạm vi một vụ án cụ thể.

1.2.2. Thẩm quyền của Hội đồng xét xử sơ thẩm

Như đề cập ở trên, địa vị pháp lý của Tòa án trong TTHS được xác định bởi quyền hạn và trách nhiệm (nhiệm vụ) của Tòa án theo quy định của pháp luật TTHS. Mặt khác, địa vị pháp lý HĐXXST trong TTHS bị giới hạn trong phạm vi một vụ án cụ thể, do đó thẩm quyền của HĐXXST trong TTHS cũng bị giới hạn trong phạm vi một vụ án cụ thể. Theo Từ điển Luật học thì thẩm quyền là “*quyền chính thức được xem xét để kết luận và định đoạt, quyết định một vấn đề. Thẩm quyền gắn liền với quyền và nhiệm vụ mà pháp luật quy định cho cơ quan nhà nước...*” [51, tr.701]. Từ khái niệm này, có thể thấy rằng thẩm quyền của HĐXXST và của Tòa án nói chung bao gồm hai bộ phận: thẩm quyền về hình thức (quyền xem xét) và thẩm quyền về nội dung (quyền kết luận, định đoạt, quyết định).

* **Thẩm quyền về hình thức của HĐXXST:** Thẩm quyền này xác định HĐXXST có quyền xem xét vụ án hình nào và trong phạm vi - giới hạn nào? Hay nói cách khác thẩm quyền về hình thức của HĐXXST bao gồm thẩm quyền xét xử sơ thẩm và giới hạn xét xử sơ thẩm.

* **Thẩm quyền về nội dung của HĐXXST:** Thẩm quyền này xác định HĐXXST có quyền hạn gì (kết luận, định đoạt, quyết định) đối với các vấn đề của một vụ án cụ thể đang xem xét (như: chuyển vụ án cho Tòa án có thẩm quyền; trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung; đưa vụ án ra xét xử; triệu tập thành phần tham gia phiên tòa; điều khiển quá trình xét hỏi, tranh luận, nghị án, kết tội và áp dụng hình phạt đối với bị cáo hay tuyên bố họ không phạm tội). Có thể thấy, nhiệm vụ và quyền hạn (thẩm quyền về nội dung) của

HĐXX (và HĐXXST nói riêng) được quy định rải rác trong các phần khác nhau của BLTTHS. Có thể phân các nhiệm vụ và quyền hạn này theo các căn cứ khác nhau:

- Căn cứ vào thời điểm mở phiên tòa, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐXXST bao gồm: Các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐXXST trước khi mở phiên tòa; Các nhiệm vụ và quyền hạn tại phiên tòa.

- Căn cứ vào chủ thể, có thể phân nhiệm vụ và quyền hạn của HĐXXST thành: Các nhiệm vụ và quyền hạn chung của HĐXXST và nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên HĐXXST (Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Thẩm phán thành viên và Hội thẩm).

Để tránh trùng lặp về nội dung, các nhiệm vụ và quyền hạn của HĐXXST sẽ được đề cập đầy đủ hơn ở Mục 2.2 của Luận văn.

Kết luận chương 1

Tóm lại, khái quát về quá trình phát triển của pháp luật TTHS Việt Nam từ năm 1945 đến nay cho thấy hoạt động xét xử của Tòa án và của HĐXXST luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Ngay từ những ngày tháng đầu tiên của Chính quyền Cách mạng cũng như trong suốt quá trình đấu tranh bảo vệ và xây dựng đất nước, Nhà nước ta đã ban hành và nhiều lần sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật (BLTTHS) quy định về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Tòa án (và của HĐXXST) trong TTHS nhằm xác định ngày càng rõ ràng, đầy đủ hơn về địa vị pháp lý của Tòa án (và của HĐXXST) với tư cách là chủ thể duy nhất thực hiện quyền tư pháp. Trong giai đoạn hiện nay, trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và cải cách tư pháp và xu hướng hội nhập quốc tế, việc nghiên cứu nhằm tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật TTHS nói riêng, trong đó có các quy định pháp luật về HĐXXST là một nhu cầu rất cấp thiết.

Chương 2

PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Quá trình phát triển của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về Hội đồng xét xử sơ thẩm

Nghiên cứu lịch sử lập pháp TTHS Việt Nam từ năm 1945 đến nay cho thấy, chế định HĐXXST được hình thành từ rất sớm. Cùng với sự phát triển của đất nước và từng bước hoàn thiện của hệ thống pháp luật của nước ta nói chung và pháp luật TTHS nói riêng, mỗi BLTTHS được ban hành đều là một sự kiện đánh dấu một bước phát triển mới của lịch sử lập pháp TTHS Việt Nam. Vì vậy, có thể lấy mốc ban hành BLTTHS các năm 1988, 2003 và 2015 để phân quá trình phát triển của chế định HĐXXST thành các giai đoạn: 1945 - 1988; 1988 - 2003 và từ năm 2003 đến nay.

2.1.1. Giai đoạn 1945 - 1988

Có thể nói, chế định HĐXXST là một trong các chế định cơ bản và quan trọng của pháp luật TTHS đã được quy định trong các văn bản pháp luật đầu tiên của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sau Cách mạng Tháng Tám thành công. Theo Sắc lệnh 33/C ngày 13/9/1945 về thiết lập các TAQS thì “HĐXX gồm có Chánh án và hai Hội thẩm. Ghế Chánh án và một ghế Hội thẩm do một ủy viên quân sự và một ủy viên chính trị đảm nhiệm (hai ủy viên này do Quân đội và UBND địa phương cử ra); Ghế Hội thẩm thứ Nhì thuộc về thẩm quyền chuyên môn của Tư pháp (do Chương lý Tòa thượng thẩm cử ra) [39, tr.57-59]. Theo Sắc lệnh số 13/SL ngày 24/01/1946 về tổ chức Tòa án và các ngạch Thẩm phán, thì “Khi xét xử thì ngoài Thẩm phán còn có các Phụ thẩm tham gia; Khi xét xử các việc tiểu hình ngoài Chánh án còn có 2 Phụ thẩm; Phụ thẩm không có quyền xem hồ sơ nhưng có quyền yêu cầu Chánh

án hỏi thêm các bị cáo và cho biết các giấy tờ có trong hồ sơ; Chánh án phải hỏi ý kiến các Phụ thẩm về tội trạng các phạm nhân và hình phạt, sau đó tự Chánh án quyết định. Khi xét xử các việc đại hình tại Tòa án đệ nhị cấp HĐXX gồm 05 người: Chánh án, hai Thẩm phán chuyên môn và hai Phụ thẩm nhân dân. Khi xét xử các Phụ thẩm ngang quyền với các Thẩm phán chuyên môn khi quyết định các vấn đề về tội trạng, hình phạt, tăng tội, giảm tội. Việc nghị án được thực hiện theo nguyên tắc đa số [39, tr.65 - 67].

Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên của nước ta quy định về chế độ HĐXXST như sau: “*Trong việc xét xử phải có Phụ thẩm nhân dân tham gia ý kiến nếu là việc tiểu hình, hoặc cùng quyết định với Thẩm phán nếu là việc đại hình*” (Điều 65). Chủ tịch nước ký Theo Sắc lệnh số 85/SL ngày 22/5/1950 về cải cách bộ máy tư pháp và luật tố tụng, Tòa án sơ cấp đổi thành Tòa án cấp huyện, Tòa án đệ Nhị cấp đổi thành Tòa án Phúc thẩm, Phụ thẩm đổi thành Hội thẩm. Khi xét xử các vụ án hình sự Tòa án cấp tỉnh gồm có 01 Thẩm phán và 02 Hội thẩm. Hội thẩm có quyền xem hồ sơ và ngang quyền Thẩm phán khi xét xử [39, tr.75 - 77].

Năm 1959 Hiến pháp mới được ban hành ghi nhận các nguyên tắc dân chủ trong hoạt động xét xử của Tòa án như: Khi xét xử Tòa án độc lập và chỉ tuân theo pháp luật (Điều 100); Khi xét xử Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán (Điều 99). Luật Tổ chức TAND năm 1960 cũng quy định các nguyên tắc tương tự về hoạt động của TAND như: Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số; Khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự TAND gồm có 01 Thẩm phán và 2 Hội thẩm. Vụ án nhỏ không quan trọng thì 01 Thẩm phán xét xử, không có Hội thẩm tham gia. Theo Thông tư số 2421-TC ngày 29/12/1961 của TANDTC, khi xét xử sơ thẩm hình sự phải có Hội thẩm tham gia, trường hợp đặc biệt không có Hội thẩm phải do UBTP Tòa án cấp tỉnh hoặc Chánh án Tòa án cấp huyện quyết định. Tại phiên tòa Hội thẩm có quyền hỏi hoặc đề

ngị Thẩm phán hỏi thêm. Khi ngị án, Thẩm phán, Hội thẩm ngang quyền và quyết định theo đa số [39, 101-103].

Theo Thông tư số 16-TATC ngày 29/7/1974 của TANDTC thì HĐXX có nhiệm vụ quyết định mọi vấn đề về nội dung cũng như về thủ tục tố tụng trong phiên tòa theo đa số, trên nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm ngang quyền nhau. Khi xét hỏi Thẩm phán hỏi trước, các Hội thẩm hỏi bổ sung. Khi ngị án, ngoài Thẩm phán và Hội thẩm không ai được vào phòng ngị án. HĐXX quyết định theo đa số. Bản án và quyết định của Tòa án phải được Thẩm phán và các Hội thẩm ký vào [39, tr.111 - 112].

Sau giải phóng miền Nam, Sắc luật số 01/SL/76 ngày 15/3/1976 của Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam về tổ chức TAND, khi xét xử sơ thẩm đồng thời là chung thẩm HĐXX gồm 01 Thẩm phán và 2 Hội thẩm, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán và quyết định theo đa số [36, tr.57]. Sau Tổng tuyển cử năm 1976, hệ thống TAND được tổ chức thống nhất trên phạm vi cả nước. Hiến pháp năm 1980 quy định các nguyên tắc về tổ chức và hoạt động của TAND như: “TAND xét xử tập thể và quyết định theo đa số, khi xét xử Hội thẩm nhân dân ngang quyền với Thẩm phán” (Điều 132); “Khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” (Điều 131); Theo quy định của Luật tổ chức TAND năm 1981, thì TANDTC có thẩm quyền xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp (Điều 21). Việc xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự vẫn được thực hiện theo các quy định trước đó. Riêng đối với các TAQS vẫn thực hiện chế độ xét xử sơ thẩm đồng thời là chung thẩm tất cả các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền cho đến khi BLTTHS năm 1988 có HLPL.

2.1.2. Giai đoạn 1988 - 2003

Ngày 28/6/1988 tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khoá VIII đã thông qua BLTTHS đầu tiên của nước ta (BLTTHS năm 1988) đánh dấu một bước phát

triển mới của lịch sử lập pháp của nước ta nói chung và lập pháp TTHS nói riêng. Bộ luật ghi nhận những nguyên tắc cơ bản về xét xử như: Tòa án xét xử tập thể; thực hiện chế độ xét xử có Hội thẩm tham gia; Khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Theo quy định của Bộ luật này thì trong mọi trường hợp xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, trong thành phần HĐXX đều phải có Hội thẩm tham gia: HĐXXST gồm 01 Thẩm phán và 02 Hội thẩm; Trong trường hợp vụ án nghiêm trọng, phức tạp hoặc vụ án có bị cáo bị truy tố về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình thì HĐXX phải có 02 Thẩm phán và 03 Hội thẩm. Mặt khác, theo quy định của Bộ luật này thì Tòa hình sự TANDTC, TAQS cấp cao xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp (khoản 3 Điều 145). Trong trường hợp này HĐXX sơ thẩm đồng thời là chung thẩm có thể gồm 01 Thẩm phán và 02 Hội thẩm hoặc 02 Thẩm phán và 03 Hội thẩm; nếu vụ án có bị cáo bị truy tố về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình thì HĐXX phải có 02 Thẩm phán và 03 Hội thẩm.

Ngoài ra, Bộ luật còn quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của HĐXXST và của các thành viên trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Tuy nhiên, sau gần 15 năm áp dụng, BLTTHS năm 1988 đã bộc lộ quá nhiều bất cập, tồn tại và không đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn Cách mạng mới. Vì vậy, để khắc phục những bất cập, tồn tại của BLTTHS năm 1988 và kịp thời thể chế hóa chủ trương cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, kế thừa thành tựu lập pháp TTHS trước đó và tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp của các nước tiên tiến, ngày 26/11/2003 Quốc hội khóa XI đã thông qua BLTTHS sửa đổi (BLTTHS năm 2003).

2.1.3. Giai đoạn từ năm 2003 đến nay

* ***BLTTHS năm 2003***: So với BLTTHS năm 1988, các quy định của

BLTTHS năm 2003 đã được sửa đổi bổ sung rất nhiều nội dung mới như: tăng thẩm quyền xét xử cho TAND cấp huyện (TAQS khu vực); nâng cao tính tranh tụng tại phiên tòa; xác định đầy đủ và rõ ràng hơn về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các chủ thể tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng; các quy định về trình tự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được sửa đổi bổ sung đầy đủ, cụ thể và rõ ràng hơn. Đối với HĐXXST và các nguyên tắc hoạt động của Tòa án về cơ bản được giữ nguyên như quy định của BLTTHS năm 1988. Để tránh trùng lặp nội dung, tác giả sẽ đề cập đầy đủ hơn các quy định của BLTTHS hiện hành về HĐXXST ở Mục 2.2 của Luận văn.

* **BLTTHS năm 2015**: Sau hơn 10 năm áp dụng trong thực tiễn, các quy định của BLTTHS năm 2003 bộc lộ quá nhiều bất cập, nhiều quy định về Tòa án và HĐXX không cụ thể, đầy đủ và rõ ràng, một số nhiệm vụ của Tòa án không phù hợp với vai trò và chức năng của Tòa án là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp. Mặt khác, nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, cải cách tư pháp và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 48-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 28/11/2013 Quốc hội khóa XIII đã thông qua Hiến pháp mới (Hiến pháp năm 2013), trong đó quy định mới và sửa đổi một số nguyên tắc về tổ chức và hoạt động, về chức năng và nhiệm vụ của Tòa án. Để khắc phục những bất cập của BLTTHS năm 2003, đồng thời nhằm cụ thể hóa các quy định mới trong Hiến pháp năm 2013 và Luật tổ chức TAND năm 2014, ngày 27/11/2015 Quốc hội khóa XIII đã thông qua BLTTHS sửa đổi (BLTTHS năm 2015) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016. Tuy nhiên, do một số sai sót có liên quan trong BLHS năm 2015, ngày 29/6/2016 Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 144/2016/QH13 lùi hiệu lực thi hành BLHS năm 2015, BLTTHS năm 2015 và một số luật khác cho đến ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015 có hiệu lực [30].

Để tránh trùng lặp về nội dung, các quy định của BLTTHS năm 2015 về HĐXXST sẽ được đề cập ở Mục 3.1 của Luận văn khi so sánh với nội dung các quy định của BLTTHS năm 2003.

2.2. Quy định của pháp luật tổ tụng hình sự hiện hành về Hội đồng xét xử sơ thẩm

Đặc thù của hoạt động của Tòa án thể hiện ở chỗ quyền tư pháp (chức năng xét xử) của Tòa án chỉ có thể được thực hiện thông qua Thẩm phán, Hội thẩm. Vì vậy, có thể nói các quy định của BLTTHS năm 2003 về Tòa án chủ yếu là những quy định về HĐXX (và HĐXXST nói riêng). Các quy định này nằm các phần khác nhau của BLTTHS (chủ yếu ở Phần thứ nhất “Những quy định chung” và Phần Thứ ba “Xét xử sơ thẩm”) và một số văn bản pháp luật khác (Luật tổ chức TAND, Pháp lệnh tổ chức TAQS, các Nghị quyết của HĐTP TANDTC, Thông tư liên tịch...). Mặt khác, về mặt pháp lý thì HĐXXST chỉ tồn tại từ thời điểm có quyết định đưa vụ án ra xét xử và giải tán sau khi phiên tòa kết thúc. Vì vậy, có thể phân các quy định của BLTTHS về HĐXXST thành các nhóm sau:

- i) Các nguyên tắc về tổ chức và hoạt động Tòa án (HĐXX).
- ii) Các quy định chung về HĐXXST.
- iii) Các quy định về HĐXXST tại phiên tòa.

Tuy nhiên, một số nguyên tắc về hoạt động của Tòa án (HĐXX) đã được đề cập ở tiểu mục 1.1.2 Luận văn nên trong Mục này, tác giả chỉ đề cập về các quy định chung và các quy định về HĐXXST tại phiên tòa.

2.2.1. Các quy định chung của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về Hội đồng xét xử sơ thẩm

* *Về thẩm quyền xét xử sơ thẩm*: Thẩm quyền xét xử sơ thẩm được phân thành: Thẩm quyền xét xử theo vụ việc (theo cấp xét xử); Thẩm quyền xét xử theo lãnh thổ và thẩm quyền xét xử theo đối tượng.

a) *Thẩm quyền xét xử theo vụ việc* (theo cấp xét xử): BLTTHS căn cứ vào tính nghiêm trọng và phức tạp của tội phạm để phân định thẩm quyền xét xử giữa Tòa án cấp tỉnh (cấp quân khu) và Tòa án cấp huyện (khu vực). Theo quy định BLTTHS năm 2003 có hai cấp Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm là: TAND cấp huyện (TAQS khu vực) và TAND cấp tỉnh (TAQS cấp quân khu), cụ thể như sau (Điều 170 BLTTHS):

1. TAND cấp huyện và TAQS khu vực xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự về những tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng, trừ những tội phạm sau đây :

- a) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia;
- b) Các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh;
- c) Các tội quy định tại các điều 93, 95, 96, 172, 216, 217, 218, 219, 221, 222, 223, 224, 225, 226, 263, 293, 294, 295, 296, 322 và 323 của BLHS.

2. TAND cấp tỉnh và TAQS cấp quân khu xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự về những tội phạm không thuộc thẩm quyền của TAND cấp huyện và TAQS khu vực hoặc những vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp dưới mà mình lấy lên để xét xử.

So với BLTTHS năm 1988, BLTTHS năm 2003 đã mở rộng thẩm quyền xét xử của TAND cấp huyện - cho phép Tòa án này xét xử cả các tội phạm rất nghiêm trọng mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy đến 15 năm tù, trừ các tội thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp tỉnh), đồng thời loại bỏ thẩm quyền xét xử sơ thẩm đồng thời là chung thẩm các vụ án hình sự của TANDTC. Trường hợp bị cáo phạm nhiều tội trong đó có tội thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp trên, thì Tòa án cấp trên xét xử toàn bộ vụ án (Điều 173 BLTTHS).

b) *Thẩm quyền xét xử theo lãnh thổ*: Thẩm quyền xét xử theo lãnh thổ được xác định căn cứ vào nơi tội phạm được thực hiện hoặc nơi kết thúc điều tra vụ án. Thẩm quyền này được quy định tại Điều 172 BLTTHS cụ thể như sau:

- Tòa án có thẩm quyền xét xử là Tòa án nơi tội phạm thực hiện. Nếu tội phạm được thực hiện tại nhiều địa điểm khác nhau thì Tòa án có thẩm quyền xét xử là Tòa án nơi kết thúc việc điều tra.

- Trường hợp bị cáo phạm tội ở nước ngoài đưa về xét xử tại Việt Nam thì TAND cấp tỉnh nơi cư trú cuối cùng của bị cáo trước khi ra nước ngoài xét xử. Nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi ra nước ngoài thì Chánh án TANDTC giao cho TAND TP. Hà Nội hoặc TAND TP. Hồ Chí Minh xét xử. Nếu thuộc thẩm quyền của TAQS thì TAQS cấp quân khu xét xử theo sự phân công của Chánh án TAQSTW.

- Trường hợp bị cáo phạm tội trên tàu bay, tàu biển mang Quốc kỳ của nước Việt Nam đang hoạt động ngoài không phận hoặc lãnh hải Việt Nam thì vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án Việt Nam nơi có sân bay hoặc bến cảng trở về đầu tiên hoặc nơi tàu bay, tàu biển đó được đăng ký.

Việc quy định về thẩm quyền xét xử theo lãnh thổ như trên nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí cho hoạt động tố tụng, bảo đảm giải quyết kịp thời vụ án và sự giám sát của nhân dân nơi xảy ra tội phạm đối với hoạt động xét xử của Tòa án.

c) *Thẩm quyền xét xử theo đối tượng*: Thẩm quyền xét xử theo đối tượng là căn cứ để phân định thẩm quyền xét xử giữa TAND và TAQS. Theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Pháp lệnh tổ chức TAQS năm 2002 [24] thì các đối tượng sau đây thuộc thẩm quyền xét xử của TAQS không phụ thuộc họ phạm tội gì và ở đâu:

1) Quân nhân tại ngũ bao gồm sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ và quân nhân chuyên nghiệp được quy định trong Luật nghĩa vụ quân sự, Luật sĩ quan Quân

đội nhân dân Việt Nam.

2) Công chức quốc phòng bao gồm những công dân được tuyển dụng vào phục vụ trong Quân đội hoặc từ sĩ quan chuyển sang và do các đơn vị doanh nghiệp Quân đội trực tiếp quản lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

3) Công nhân quốc phòng bao gồm những công nhân được tuyển dụng thuộc biên chế của các đơn vị doanh nghiệp Quân đội, những công nhân có hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các đơn vị, doanh nghiệp Quân đội, nếu họ phạm tội khi đang thực hiện nhiệm vụ quốc phòng theo hợp đồng.

4) Quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng động viên, tình trạng sẵn sàng chiến đấu theo quy định của pháp luật về lực lượng dự bị động viên.

5) Dân quân tự vệ trong thời gian phối thuộc với Quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu theo quy định pháp luật về dân quân, tự vệ.

6) Những người được trưng tập làm nhiệm vụ quân sự do các đơn vị quân đội trực tiếp quản lý, bao gồm những công dân do nhu cầu chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc do nhiệm vụ quân sự khác được các đơn vị Quân đội trưng tập và trực tiếp quản lý để đáp ứng các nhu cầu đó.

Những người không thuộc đối tượng trên mà phạm tội có liên quan đến bí mật quân sự hoặc gây thiệt hại cho Quân đội.

- Bí mật quân sự là bí mật của Quân đội về an ninh quốc phòng được xác định là bí mật quân sự và được quy định trong các văn bản do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Gây thiệt hại cho Quân đội được hiểu là gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tự do, danh dự, uy tín của những người được quy định tại khoản 1 Điều 3 của Pháp lệnh tổ chức TAQS hoặc gây thiệt hại về tài sản được Quân

đội cấp phát cho những người này để thực hiện nhiệm vụ quân sự, gây thiệt hại đến tài sản, danh dự, uy tín của Quân đội.

+ Tài sản của Quân đội là tài sản do Quân đội quản lý, kể cả trường hợp tài sản đó được giao cho dân quân tự vệ hoặc bất kỳ người nào khác quản lý, sử dụng để chiến đấu hoặc thực hiện nhiệm vụ quân sự. Cũng được coi là gây thiệt hại cho Quân đội trong trường hợp người đang bị tạm giữ, tạm giam và đang chấp hành hình phạt trong nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam do Quân đội quản lý mà lại tiếp tục phạm tội.

Những người không còn phục vụ trong Quân đội mà phát hiện tội phạm của họ được thực hiện trong thời gian phục vụ trong Quân đội hoặc những người đang phục vụ trong Quân đội mà phát hiện tội phạm họ thực hiện trước khi vào Quân đội thì TAQS xét xử những tội phạm có liên quan đến bí mật quân sự hoặc gây thiệt hại cho Quân đội. Những tội phạm khác do TAND xét xử.

Trường hợp trong cùng một vụ án vừa có người phạm tội hoặc tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của TAQS, vừa có người phạm tội hoặc tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của TAND thì TAQS xét xử những người phạm tội và tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của mình theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Pháp lệnh tổ chức TAQS, người phạm tội và tội phạm khác thuộc thẩm quyền xét xử của TAND. Tuy nhiên, chỉ được tách vụ án để điều tra, truy tố, xét xử riêng, nếu việc tách đó không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án.

* ***Về giới hạn xét xử sơ thẩm:*** Theo quy định của BLTTHS, một vụ án chỉ có thể đưa ra xét xử khi có quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, HĐXXST cũng chỉ có thể xét xử vụ án đó trong giới hạn nhất định. Theo Từ điển Luật học thì “*giới hạn xét xử hình sự là phạm vi Tòa án cấp sơ thẩm được xem xét và quyết định về vụ án*” [51, tr.309- 310]. Điều 196

BLTTHS quy định: “Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa ra xét xử. Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố”. Theo quy định này thì giới hạn xét xử sơ thẩm gồm hai nội dung:

Thứ nhất, Tòa án chỉ có thể xét xử những bị cáo và những hành vi mà Viện kiểm sát truy tố. Quy định này một mặt thể hiện chức năng công tố (buộc tội) của Viện kiểm sát, mặt khác, nhằm bảo đảm quyền của người bị buộc tội bị đưa ra xét xử được biết mình bị truy tố, xét xử về hành vi nào để họ thực hiện quyền bào chữa. Tòa án không thể đưa ra xét xử người không bị truy tố hoặc xét xử hành vi khác của người đó không bị truy tố.

Thứ hai, Tòa án chỉ xét xử những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa ra xét xử. Tòa án có thể xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát truy tố trong cùng một điều luật hoặc chuyển sang tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát truy tố. Ví dụ: Bị cáo bị truy tố về tội cướp giật tài sản (khoản 2 Điều 136 BLHS), HĐXX có thể xét xử bị cáo theo khoản này hoặc có thể xét xử về tội đó theo khung hình phạt khác nặng hơn (khoản 4) hoặc nhẹ hơn (khoản 1); HĐXX cũng có thể xét xử bị cáo về trộm cắp tài sản (là tội nhẹ). Quy định về giới hạn xét xử không cho phép HĐXX xét xử bị cáo theo tội danh nặng hơn tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Trong ví dụ trên, HĐXX không thể xét xử bị cáo về tội cướp tài sản vì đây là tội nặng hơn.

*** Thành phần HĐXXST, các trường hợp từ chối và thay đổi thành viên HĐXXST:** Theo quy định của BLTTHS thì Chánh án Tòa án phân công Thẩm phán và Hội thẩm xét xử vụ án hình sự (điểm b, khoản 1 Điều 38) và HĐXXST được thành lập trên cơ sở Quyết định đưa vụ án ra xét của Thẩm

phán được phân công chủ tọa phiên tòa (Điều 176 và Điều 178). Thành phần của HĐXXST gồm 01 Thẩm phán và 02 Hội thẩm. Trong trường hợp vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp, thì Hội đồng xét xử có thể gồm 02 Thẩm phán và 03 Hội thẩm. Đối với vụ án mà bị cáo bị đưa ra xét xử về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình thì Hội đồng xét xử gồm 02 Thẩm phán và 03 Hội thẩm (Điều 185). Trường hợp cần thiết HĐXXST có thể có Thẩm phán, Hội thẩm dự khuyết (Điều 186). Nếu vụ án có bị cáo là người chưa thành niên thì thành phần HĐXX phải có 01 Hội thẩm là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên (Điều 307). Trường hợp áp dụng thủ tục rút gọn thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải ra đưa vụ án ra xét xử và trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định này Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vụ án. Việc xét xử sơ thẩm được tiến hành theo thủ tục chung (Điều 324), có nghĩa là HĐXX vẫn gồm 01 Thẩm phán và 02 Hội thẩm.

Thẩm phán và Hội thẩm phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi, nếu thuộc một trong các trường hợp sau (Điều 42):

- Đồng thời là người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; là người đại diện hợp pháp, người thân thích của những người đó hoặc của bị can, bị cáo;

- Đã tham gia với tư cách là người bào chữa, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch trong vụ án đó;

- Có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.

Việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án quyết định (điểm c, khoản 1 Điều 38). Các thành viên của HĐXX phải xét xử vụ án từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc. Trong quá trình xét xử, nếu có Thẩm phán, Hội thẩm không tiếp tục tham gia xét xử được thì vẫn có

thể xét xử vụ án nếu có Thẩm phán, Hội thẩm dự khuyết (có mặt tại phiên tòa từ đầu). Trong trường hợp HĐXX có 02 Thẩm phán mà Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không tiếp tục tham gia xét xử được thì Thẩm phán là thành viên làm chủ tọa phiên tòa và Thẩm phán dự khuyết được bổ sung làm thành viên HĐXX. Nếu không có Thẩm phán, Hội thẩm dự khuyết để thay thế thì vụ án phải được xét xử lại từ đầu (Điều 186).

* ***Việc ra bản án và các quyết định của HĐXXST***: Theo quy định tại Điều 199 BLTTHS, khi ra bản án và các quyết định (như: Quyết định thay đổi thành viên của HĐXX, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, người giám định người phiên dịch; Quyết định chuyển vụ án; Quyết định yêu cầu điều tra bổ sung; Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án; Quyết định về việc bắt tạm giam hoặc trả tự do bị cáo) HĐXX phải thảo luận và thông qua tại phòng nghị án. Các quyết định khác HĐXX phải thảo luận tại phòng xử án, không phải lập văn bản nhưng phải ghi vào biên bản phiên tòa. Theo quy định này thì những quyết định phức tạp, quan trọng HĐXX phải xem xét tại phòng nghị án, còn các quyết định khác HĐXX có thể thảo luận và quyết định tại phòng xử án. Quy định này nhằm bảo đảm để HĐXX có thái độ khách quan, thận trọng và phải xem xét đầy đủ các chứng cứ, tài liệu và các tình tiết của vụ án trước khi đưa ra bản án, quyết định.

2.2.2. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét xử sơ thẩm tại phiên tòa

* ***Về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐXXST trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa***: Thủ tục bắt đầu phiên tòa được quy định tại các điều 201-205 của BLTTHS và được hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP ngày 02/10/2004 về thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “Những quy định chung” của BLTTHS [37] và Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 về thi hành Phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm” của BLTTHS [38].

Theo quy định của BLTTHS thì phần thủ tục bắt đầu phiên tòa chủ yếu do Chủ tọa phiên tòa thực hiện nhằm để việc xét xử tiếp theo bảo đảm dân chủ, khách quan, đúng người, đúng pháp luật. Cụ thể như sau:

- Chủ tọa phiên tòa tuyên bố khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- HĐXX nghe Thư ký Tòa án báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng được triệu tập.

- Chủ tọa phiên tòa kiểm tra căn cước của bị cáo, lý lịch của người bị hại và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa và giải thích về quyền và nghĩa vụ của họ.

- Chủ tọa phiên tòa giới thiệu thành phần HĐXX, Kiểm sát viên, người giám định, người phiên dịch và hỏi những người tham gia tố tụng có đề nghị thay đổi ai trong những người này hay không?

- Nếu những người tiến hành tố tụng từ chối tiến hành tố tụng hoặc Kiểm sát viên hay người tham gia tố tụng có đề nghị thay đổi những người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch thì HĐXX phải xem xét và quyết định. Căn cứ vào quy định tại các điều 45-47 BLTTHS và các điểm 4 - 6 Mục I Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP [37], tại phòng nghị án HĐXX thảo luận và quyết định chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch.

- HĐXX phải thảo luận và quyết định hoãn phiên tòa hay vẫn tiến hành xét xử nếu thấy đề nghị của Kiểm sát viên hoặc những người tham gia tố tụng về việc hoãn phiên tòa là có căn cứ.

- Chủ tọa phiên tòa yêu cầu người làm chứng cam đoan khai đúng sự thật (trừ người làm chứng là người chưa thành niên) và cho cách ly người làm chứng nếu thấy lời khai của họ hoặc người khác có thể ảnh hưởng đến nhau.

- Nếu có yêu cầu của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa,... về việc triệu tập thêm người làm chứng hoặc đưa thêm vật chứng, tài liệu ra xem xét, thì HĐXX xem xét, giải quyết.

Nhìn chung quy định của pháp luật về phần thủ tục bắt đầu là tương đối phù hợp. Việc giao cho Chủ tọa phiên tòa thay mặt HĐXX tiến hành các thủ tục tố tụng cần thiết ở phần này là hoàn toàn hợp lý, bảo đảm sự khách quan cho hoạt động xét xử ở các phần tiếp theo được tiến hành đúng pháp luật. Các quyền hạn, trách nhiệm của HĐXX ở phần thủ tục thể hiện rõ vị trí, vai trò “trọng tài” của HĐXX trong việc xem xét, giải quyết các yêu cầu, đề nghị của các bên về hoãn phiên tòa, thay đổi hành tố tụng, đưa thêm vật chứng, tài liệu, triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

*** Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐXXST trong xét hỏi:** Việc xét hỏi tại phiên tòa về bản chất là cuộc điều tra công khai nhằm kiểm tra, xác minh đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, tài liệu và các tình tiết của vụ án. Các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐXXST trong xét hỏi được quy định tại các Điều 206 - 216 BLTTHS năm 2003, cụ thể như sau:

HĐXX phải xác định đầy đủ các tình tiết về từng sự việc và về từng tội của vụ án theo thứ tự xét hỏi hợp lý. Khi xét hỏi từng người, Chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến Hội thẩm, sau đó đến Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự... (Điều 207). HĐXX phải hỏi riêng từng bị cáo. Bị cáo trình bày ý kiến về cáo trạng và những tình tiết của vụ án. HĐXX hỏi thêm những điểm mà bị cáo trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn (Điều 209). Người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc đại diện hợp pháp của họ trình bày về những tình tiết của vụ án có liên quan đến họ. HĐXX, Kiểm sát viên, người bào chữa... hỏi thêm về những điểm mà họ trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn (Điều 210).

Khi hỏi những người làm chứng, phải hỏi riêng từng người và không để cho người làm chứng khác biết được nội dung xét hỏi đó. HĐXX phải hỏi rõ về quan hệ giữa họ với bị cáo và các đương sự, yêu cầu người làm chứng trình bày rõ những tình tiết vụ án mà họ đã biết, sau đó hỏi thêm về những điểm mà họ khai chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn (Điều 211). Trong quá trình hỏi, vật chứng, ảnh hoặc biên bản xác nhận vật chứng được đưa ra để xem xét tại phiên tòa. Khi cần thiết, HĐXX có thể cùng với Kiểm sát viên, người bào chữa. xem xét tại chỗ những vật chứng không thể đưa đến phiên tòa được (Điều 212). Nếu xét thấy cần thiết, HĐXX có thể cùng với Kiểm sát viên, người bào chữa... xem xét nơi đã xảy ra tội phạm hoặc những địa điểm khác có liên quan đến vụ án (Điều 213).

Đại diện của cơ quan, tổ chức trình bày về nhận xét, báo cáo của cơ quan, tổ chức đó về những tình tiết của vụ án; Trường hợp không có đại diện của họ tham dự thì HĐXX công bố nhận xét, báo cáo này (Điều 214). Người giám định trình bày kết luận của mình về vấn đề được giao giám định và có quyền giải thích bổ sung. Nếu người giám định vắng mặt, thì Chủ tọa phiên tòa công bố kết luận giám định. Khi xét thấy cần thiết, HĐXX quyết định giám định bổ sung hoặc giám định lại (Điều 215). Khi xét thấy các tình tiết của vụ án đã được xem xét đầy đủ thì Chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa... xem họ có yêu cầu xét hỏi vấn đề gì nữa không. Nếu có yêu cầu và xét thấy cần thiết thì Chủ tọa phiên tòa quyết định tiếp tục việc xét hỏi (Điều 216) và sau đó chuyển sang phần tranh luận.

Tác giả cho rằng, các quy định nêu trên về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐXXST trong xét hỏi tuy đã được sửa đổi bổ sung nhưng về cơ bản chưa khắc phục được những bất cập của BLTTHS năm 1988 cụ thể là: vẫn đặt lên vai HĐXX hầu như toàn bộ trách nhiệm chứng minh tội phạm (mà nó thuộc trách nhiệm của bên buộc tội) là hoàn toàn không phù hợp với chức năng của

các bên và vai trò “trọng tài” của Tòa án, làm hạn chế tính tích cực, chủ động của các bên trong xét hỏi. Vì vậy, các quy định này cần được xem xét để sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

*** Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐXXST trong tranh luận:**

Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐXXST được quy định tại các Điều 217 - 221 của BLTTHS. Theo quy định tại Điều 217 Bộ luật này, HĐXX không tham gia tranh luận mà có trách nhiệm tạo điều kiện cho các bên tranh luận, đối đáp và lắng nghe ý kiến, lập luận mà các bên đưa ra. Chủ tọa phiên tòa là người điều khiển quá trình tranh luận theo đúng trình tự pháp luật quy định, hướng sự tranh luận, đối đáp của hai bên tập trung vào những vấn đề cần giải quyết trong vụ. Khi trình bày lời luận tội Kiểm sát viên có thể giữ nguyên quyết định truy tố, rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố hay kết luận về một tội nhẹ hơn. HĐXX có quyền yêu cầu Kiểm sát viên giải thích lý do về sự thay đổi này. Tiếp theo bị cáo trình bày lời bào chữa, nếu có người bào chữa thì người này trình bày ý kiến sau đó bị cáo bổ sung ý kiến bào chữa. Sau đó người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện của họ trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích của mình; nếu có người bảo vệ quyền lợi cho họ thì người này có quyền trình bày bổ sung ý kiến. Sau khi các bên đã phát biểu xong, Kiểm sát viên phải đưa ra lập luận đối với từng ý kiến. Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của những người khác (mà không bị hạn chế “*chỉ được phát biểu một lần đối với mỗi ý kiến mà mình không đồng ý*” như quy định tại Điều 192 BLTTHS năm 1988).

Chủ tọa phiên tòa có quyền yêu cầu Kiểm sát viên đáp lại những ý kiến mà Kiểm sát viên chưa tranh luận hoặc tranh luận chưa rõ ràng, đầy đủ. Nếu xét thấy cần phải xem xét thêm chứng cứ, thì HĐXX có quyền quyết định trở lại việc xét hỏi để làm rõ các chứng cứ đó. Sau khi xét hỏi bổ sung, các bên

lại tranh luận tập trung vào các vấn đề mới phát sinh. Khi các bên không tranh luận, đối đáp gì thêm, Chủ tọa phiên tòa cho bị cáo nói lời nói sau cùng và không được hạn chế thời gian bị cáo phát biểu nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án của bị cáo. Nếu thấy trong lời nói sau cùng của bị cáo có tình tiết mới có ý nghĩa quan trọng đối với việc giải quyết vụ án thì HĐXX quyết định quay lại phân xét hỏi (Điều 220). Sau khi bị cáo trình bày xong lời nói sau cùng, HĐXX phải thông báo rõ về thời gian tuyên án cho những người tham gia phiên tòa biết trước khi nghị án.

Tác giả cho rằng nhìn chung, các quy định hiện hành về tranh luận bước đầu đã cụ thể hóa được yêu cầu nâng cao tính tranh tụng “*bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác*” theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW [9], trong đó đã xác định rõ hơn trách nhiệm của Kiểm sát viên, người bào chữa và vai trò “trọng tài” của HĐXX. Tuy nhiên, các quy định về trình tự phát biểu khi tranh luận, đối đáp hay về việc Kiểm sát viên rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố hoặc kết luận về một tội nhẹ hơn vẫn chưa khắc phục được sự bất cập của BLTTHS năm 1988 và cần được tiếp tục hoàn thiện.

*** *Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐXXST trong nghị án và tuyên án***

1) *Quyền hạn, trách nhiệm của HĐXX trong nghị án*: Nghị án là việc HĐXX thảo luận tại phòng nghị án, thông qua bản án hoặc quyết định giải quyết vụ án. Đây là hoạt động rất quan trọng thể hiện rõ nhất quyền hạn, trách nhiệm của HĐXX với tư cách là chủ thể duy nhất nhân danh Nhà nước để đưa ra phán quyết về vụ án. Theo quy định của BLTTHS thì chỉ có thành viên của HĐXX mới có quyền nghị án. Phần nghị án HĐXX phải thảo luận và biểu quyết khi ra bản án, quyết định. Khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật khi thảo luận và biểu quyết theo đa số về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án (như: tội danh, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ,

tăng nặng TNHS, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, bồi thường dân sự...). Việc nghị án phải lập thành biên bản, Thẩm phán là người biểu quyết sau cùng, người có ý kiến thiểu số có quyền bảo lưu ý kiến của mình và đưa vào hồ sơ.

Theo Từ điển Luật học, thì “*Bản án hình sự là văn bản ghi nhận phán quyết của Tòa án sau khi xét xử một vụ án hình sự*” [51, tr.31]. Nó là văn bản tổ tụng quan trọng nhất thể hiện sự đánh giá chính thức của HĐXX về các chứng cứ, tài liệu và các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai, kết quả tranh tụng công khai giữa các bên về vụ án tại phiên tòa và đưa ra phán quyết về số phận của bị cáo - phạm tội hay không phạm tội.

Theo Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP [38], nếu ra bản án kết tội bị cáo, HĐXX phải xác định bị cáo phạm tội gì; Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của bị cáo; Mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo; Các biện pháp tư pháp (nếu cần thiết); Trách nhiệm dân sự, mức bồi thường; Án phí... Nếu bản án tuyên bị cáo không phạm tội, thì HĐXX phải giải quyết việc khôi phục danh dự, các quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo; Xác định trách nhiệm bồi thường (nếu có). Cùng với bản án, HĐXX có thể ra một số quyết định khác (như: khởi tố vụ án; trả tự do cho bị cáo...) hoặc ra kiến nghị khắc phục sửa chữa các khuyết điểm trong công tác quản lý. Sau khi thông qua các thành viên, HĐXX phải ký vào bản án trước khi ra tuyên án.

2) *Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐXXST khi tuyên án*: Tuyên án là việc HĐXX nhân danh Nhà nước tuyên đọc công khai phán quyết của mình về vụ án. Hoạt động này thể hiện tính quyền lực cao và sự tính uy nghiêm của pháp luật. Khi HĐXX tuyên án những người trong phòng xử án phải đứng dậy, *trừ những người vì lý do sức khỏe được Chủ tọa phiên tòa cho phép ngồi*. Chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên của HĐXX đọc bản án (Điều 226 BLTTHS). Quy định này đã khắc phục được sự hạn chế của BLTTHS năm 1988 khi quy

định Chủ tọa phiên tòa chịu trách nhiệm tuyên đọc bản án. Theo quy định của BLTTHS, sau khi tuyên án HĐXX có thể giải thích thêm về các quyết định của bản án (ví dụ: Trường hợp được hưởng án treo, HĐXX có thể giải thích cho bị cáo quy định tại Điều 60 BLHS về án treo) và quyền kháng cáo bản án. Đối với bị cáo không biết tiếng Việt, thì sau khi tuyên án xong, người phiên dịch có trách nhiệm dịch bản án sang ngôn ngữ mà người đó biết để họ hiểu bản án và thực hiện các quyền của mình theo quy định của pháp luật.

Tác giả cho rằng nhìn chung, các quy định của BLTTHS hiện hành về nghị án, tuyên án đã đề cao được trách nhiệm của HĐXX. Tuy nhiên, một số quy định về trả hồ sơ điều tra bổ sung, về rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố, về tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án... vẫn bộc lộ những bất cập cần được nghiên cứu để tiếp tục hoàn thiện.

2.3. Những bất cập, tồn tại trong thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về Hội đồng xét xử sơ thẩm

Tổng kết thực tiễn 10 năm thi hành BLTTHS năm 2003 đã khẳng định được vai trò quan trọng của Bộ luật trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Bộ luật đã tạo cơ sở pháp lý hữu hiệu để các chủ thể tiến hành tố tụng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, hạn chế oan, sai, bảo đảm tốt hơn các quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng, đặc biệt là người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo, bảo đảm tính minh bạch, khách quan trong TTHS. Về cơ bản các vụ án đã được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định. Kết quả xử lý tội phạm của các cơ quan tư pháp có chuyển biến tích cực. Công tác xét xử các vụ án hình sự cơ bản được thực hiện đúng quy định pháp luật, chất lượng ngày càng được nâng cao. Các phán quyết của Tòa án căn cứ chủ yếu vào kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên

tòa, bảo đảm đúng người, đúng tội, hạn chế đến mức thấp nhất việc xét xử oan, sai và bỏ lọt tội phạm...[55].

Bên cạnh những kết quả đạt được, BLTTHS hiện hành nói chung và các quy định về HĐXXST nói riêng cũng bộc lộ nhiều bất cập, vướng mắc không đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay. Những bất cập trong thực tiễn áp dụng một số nguyên tắc của Bộ luật này có liên quan đến HĐXXST đã được đề cập ở Mục 2.2 của Luận văn nên trong Mục này tác giả chỉ đề cập về những bất cập trong áp dụng các quy định về HĐXXST ở Phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm” của Bộ luật.

2.3.1. Về áp dụng các quy định chung về Hội đồng xét xử sơ thẩm ở Phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm”

* ***Quy định về chuyển vụ án:*** Việc xét xử vụ án phải bảo đảm đúng thẩm quyền của Tòa án. Theo quy định của BLTTHS thì khi thấy vụ án đang thụ lý không thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp mình mình, thì Tòa án (HĐXX) phải ra quyết định chuyển vụ án cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Chỉ được chuyển vụ án khi vụ án chưa được xét xử; Nếu vụ án thuộc thẩm quyền của TAQS hoặc Tòa án cấp trên, thì vụ án đã đưa ra xét xử vẫn phải chuyển cho Tòa án có thẩm quyền (Điều 174). Thực tiễn xét xử cho thấy, có trường hợp tại phiên tòa, HĐXX mới phát hiện vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của TAQS hoặc của Tòa án cấp trên nhưng theo quy định của BLTTHS thì HĐXX không có quyền chuyển vụ án. Đây là sự bất cập cần được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

* ***Quy định về giới hạn xét xử:*** Về giới hạn xét xử, quy định tại Điều 196 BLTTHS, hiện nay trong Khoa học luật TTHS có hai quan điểm khác nhau. Quan điểm thứ nhất cho rằng, quy định hiện tại là phù hợp nhằm bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo trước Tòa án. Nếu thấy bị cáo phạm một tội phạm khác nặng hơn tội danh bị Viện kiểm sát truy tố thì HĐXX cũng không

được xét xử bị cáo theo tội nặng hơn vì điều đó sẽ làm xấu đi tình trạng của bị cáo và không bảo đảm quyền bào chữa của họ. Theo Thông tư liên ngành số 01/TTLN-TANDTC-VKSNDTC ngày 8/12/1998, trong trường hợp này HĐXX vẫn phải xét xử theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và không được tuyên là bị cáo không phạm tội, sau đó kiến nghị lên Tòa án cấp trên xem xét lại tội danh đối với bị cáo... [40]. Điều đó cũng có nghĩa là HĐXX phải tuyên bị cáo phạm một tội mà biết rõ là không phải tội đó.

Quan điểm thứ hai cho rằng, quy định này là không phù hợp với thực tiễn [47, tr.35]. Thực tế cho thấy đã xảy ra không ít trường hợp ngay ở giai đoạn chuẩn bị xét xử hoặc tại phiên tòa HĐXXST phát hiện tội danh mà Viện kiểm sát truy tố nhẹ hơn tội mà đã bị can đã thực hiện nên đã ra quyết định trả hồ sơ, yêu cầu Viện kiểm sát truy tố về tội nặng hơn nhưng Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Vì vậy, Tòa án buộc phải xét xử bị cáo theo nội dung truy tố và bản án này đã bị Tòa án cấp trên hủy với lý do xác định không đúng tội danh. Một số trường hợp sau khi bản án sơ thẩm bị hủy để điều tra lại (do xác định sai tội danh), nhưng sau đó Viện kiểm sát vẫn giữ quyết định truy tố ban đầu nên dù được xét xử sơ thẩm lại nhưng kết quả về vụ án vẫn như cũ. Cách giải quyết này làm cho vụ án bị hủy đi hủy lại nhiều lần, kéo dài quá trình TTTHS, mà công lý không được thực thi, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, gây bức xúc và tổn kém cho xã hội. Tác giả cho rằng quy định hiện hành về giới hạn xét xử là bất cập và cần sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

*** Quy định về trả hồ sơ để điều tra bổ sung, tạm đình chỉ và đình chỉ vụ án:** Điều 199 của BLTTHS quy định HĐXX ra các quyết định: yêu cầu điều tra bổ sung, tạm đình chỉ và đình chỉ vụ án nhưng không quy định về các căn cứ để ra các quyết định này. Vì vậy, trong thực tiễn các HĐXX thường phải căn cứ vào quy định tại các điều 179, 180 và 199 của BLTTHS để ra các

quyết định này. Tác giả đồng tình với ý kiến cho rằng, các Điều 179 - 180 BLTTHS quy định về các căn cứ để Thẩm phán ra các quyết định này ở giai đoạn chuẩn bị xét xử chứ không phải để HĐXX ra các quyết định này khi xét xử vụ án tại phiên tòa.

Các quy định của BLTTHS hiện hành về HĐXX ra các quyết định như: yêu cầu điều tra bổ sung; tạm đình chỉ vụ án trong trường hợp tại phiên tòa Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố, nếu thấy việc rút quyết định truy tố đó là không có căn cứ” cũng là vấn đề đang gây tranh cãi. Ý kiến thứ nhất cho rằng, các quy định hiện hành là hoàn toàn phù hợp với truyền thống tố tụng ở nước ta, theo đó giữa các cơ quan, người tiến hành tố tụng cần phối hợp với nhau để bảo đảm việc xét xử vụ án được chính xác, đúng người, đúng tội.

Tác giả đồng tình với loại ý kiến thứ hai cho rằng các quy định này của BLTTHS là hoàn toàn không phù hợp về mặt lý luận, với chức năng và vai trò và nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án [24, tr.25] . Tại phiên tòa HĐXX là người “trọng tài” giữa bên buộc tội và bên bào chữa, vì vậy, về nguyên tắc, có chứng cứ buộc tội bị cáo tới đâu thì HĐXX xét xử bị cáo đến đó; nếu không đủ chứng cứ kết tội hoặc tại phiên tòa Kiểm sát viên toàn bộ quyết định truy tố thì HĐXX phải ra phán quyết tuyên bố bị cáo không phạm tội. Chỉ khi quy định như vậy, thì mới có thể nâng cao trách nhiệm của CQĐT/ Điều tra viên, VKS/ Kiểm sát viên đồng thời mới thể hiện đúng chức năng xét xử và vai trò “trọng tài” của Tòa án (HĐXX). Đây là là một trong những điểm bất cập của Bộ luật cần được xem xét để tiếp tục hoàn thiện.

2.3.2. Về áp dụng các quy định về hội đồng xét xử sơ thẩm tại phiên tòa

* ***Các quy định về thủ tục phiên tòa:*** Quy định của BLTTHS hiện hành và các Nghị quyết của HĐTP-TANDTC hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về thủ tục bắt đầu phiên tòa là khá đầy đủ, rõ ràng và phù hợp. Vì vậy, nhìn chung các HĐXX đã thực hiện đúng, đầy đủ và chính xác

các quy định này. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy vẫn còn một số vướng mắc sau đây.

Thứ nhất, trong một số vụ án ở giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo không nhờ luật sư bào chữa nhưng trong phần thủ tục bị cáo lại đề nghị được mời luật sư bào chữa. Đây là trường hợp pháp luật chưa quy định rõ nên HĐXX rất lung túng không biết nên tiếp tục xét xử hay hoãn phiên tòa. Nếu tiếp tục xét xử vụ án, thì ảnh hưởng đến quyền bào chữa của bị cáo, còn hoãn phiên tòa thì căn cứ vào quy định nào của BLTTHS.

Thứ hai, theo BLTTHS, nếu người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai tại Cơ quan điều tra thì Chủ tọa phiên tòa công bố những lời khai đó. Nếu người làm chứng về những vấn đề quan trọng vắng mặt thì tùy trường hợp, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa hoặc vẫn tiến hành xét xử (Điều 192). Bộ luật còn quy định bị cáo và người bào chữa có quyền yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng tài liệu. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử có nhiều trường hợp Luật sư bào chữa đề nghị triệu tập thêm nhân chứng nhưng nếu nhân chứng đã có lời khai lưu giữ trong hồ sơ thì thường bị HĐXX không chấp nhận; còn việc Luật sư bào chữa đề nghị triệu tập thêm nhân chứng mới chưa được cơ quan điều tra lấy lời khai càng khó được chấp nhận [43, tr.39]. Thực tiễn xét xử cho thấy là cơ quan buộc tội nên Cơ quan điều tra thường thiên về thu thập các chứng cứ buộc tội mà ít chú ý đến các chứng cứ gỡ tội; việc ghi lời khai cũng thường tập trung vào các yếu tố cấu thành tội phạm mà ít chú ý đến các tình tiết gỡ tội của họ. Vì vậy, việc HĐXX không chấp nhận đề nghị của triệu tập những người làm chứng vắng mặt hoặc triệu tập thêm những người làm chứng quan trọng đã làm hạn chế việc xác định sự thật của vụ án cũng như chất lượng tranh tụng tại phiên tòa.

* *Về áp dụng các quy định về xét hỏi:* Các quy định của BLTTHS hiện hành về quyền hạn, trách nhiệm của HĐXX trong xét hỏi tại phiên tòa có nhiều bất cập thể hiện ở một số điểm cơ bản sau [47, tr.65-67]:

Thứ nhất, theo các quy định của BLTTHS thì HĐXX chịu trách nhiệm chính trong xét hỏi, phải xác định đầy đủ các tình tiết về từng sự việc, về từng tội theo thứ tự hợp lý. Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến Hội thẩm, sau đó đến Kiểm sát viên... Khi xét xử HĐXX xem xét những vật chứng có liên quan (Điều 207). Có thể thấy quy định này đã đặt toàn bộ gánh nặng xét hỏi tại phiên tòa và chứng minh tội phạm lên vai HĐXX: phải hỏi tất cả những người tham gia tố tụng về toàn bộ nội dung vụ án và các vấn đề có liên quan, đồng thời phải nghe họ trả lời; công bố lời khai tại cơ quan điều tra nếu thấy cần thiết, yêu cầu người bị hỏi giải thích lý do về sự mâu thuẫn trong lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; công bố tài liệu, báo cáo của cơ quan, tổ chức, công bố kết luận giám định, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ... Tác giả cho rằng, việc giao cho HĐXX chịu trách nhiệm chính trong xét hỏi và chứng minh bị cáo có tội hay không có tội là rất bất hợp lý với lý do sau:

- Việc quá tập trung vào việc xét hỏi không chỉ gây áp lực đối với HĐXX, có thể dẫn đến sự bức xúc, định kiến cho rằng bị cáo không nhận tội, ảnh hưởng đến việc xác định sự thật và tính khách quan trong phán quyết của HĐXX. Mặt khác, việc quá tập trung khi xét hỏi còn làm cho HĐXX không kịp nghe hoặc nghe đầy đủ lời khai của những người được xét hỏi, không thể tập trung xem xét, đánh giá lời khai, các chứng cứ, tài liệu về vụ án để hướng cho các bên tranh tụng tập trung làm sáng tỏ.

- Các quy định hiện hành về xét hỏi không phân định rõ chức năng tố tụng của các chủ thể: HĐXX là cơ quan xét xử lại được giao thực hiện cả chức năng buộc tội và chức năng gỡ tội. Điều đó đã làm hạn chế vai trò của

Kiểm sát viên (là chủ thể thực hiện chức năng buộc tội) và của người bào chữa (là chủ thể thực hiện chức năng bào chữa) trong việc chứng minh các tình tiết của vụ án.

Vì vậy, để nâng cao chất lượng tranh tụng cần sửa đổi các quy định của BLTTHS về xét hỏi cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Kiểm sát viên và người bào chữa cũng như vai trò và chức năng của HĐXX theo hướng sau: Việc xét hỏi để chứng minh bị cáo có tội hay không có tội là trách nhiệm của Kiểm sát viên và người bào chữa. HĐXX chỉ tham gia xét hỏi trong trường hợp cần thiết. Theo hướng này, trình tự xét hỏi sẽ như sau: Các chủ thể của bên buộc tội (Kiểm sát viên, người bị hại...) hỏi trước sau đó đến các chủ thể của bên bào chữa (người bào chữa, bị cáo...), HĐXX chỉ hỏi về những vấn đề chưa được làm rõ hoặc có mâu thuẫn và những vấn đề chưa hỏi (về vật chứng, bồi thường dân sự...).

Thứ hai, Điều 207 BLTTHS không quy định Thẩm phán không phải là Chủ tọa phiên tòa (trong HĐXX gồm 5 thành viên) có quyền hỏi không? Nếu có quyền thì sẽ hỏi khi nào? Trong thực tiễn, việc xét hỏi của Thẩm phán này phụ thuộc vào Chủ tọa phiên tòa. Đây cũng là một bất cập cần được khắc phục.

Thứ ba, theo quy định tại Điều 10, Điều 207 và các điều luật khác của BLTTHS, thì HĐXX chịu trách nhiệm chính trong xét hỏi. Thực tiễn xét xử ở nước ta cho thấy, trách nhiệm này chủ yếu do Chủ tọa phiên tòa đảm nhiệm, còn các Hội thẩm chỉ tham gia ở mức độ rất hạn chế. Kiểm sát viên cũng không hỏi nhiều, thậm chí có Kiểm sát viên không hỏi gì vì cho rằng, HĐXX đã xét hỏi và làm rõ hết các tình tiết và các vấn đề về vụ án. Người bào chữa cũng ít tham gia xét hỏi (nhất là trường hợp người bào chữa được chỉ định theo yêu cầu của Tòa án). Các quy định hiện hành về xét hỏi đã dẫn đến tình

trạng HĐXX “lấn sân” của bên buộc tội và bên bào chữa mà “quên” đi chức năng xét xử và vai trò “trọng tài” của mình.

Thứ tư, đặc điểm của TTHS nước ta là tố tụng thiên về thẩm vấn nên trước khi xét xử, HĐXX đã nghiên cứu hồ sơ vụ án. Điều đó ít nhiều bị chi phối (ảnh hưởng) bởi các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ dẫn đến sự định kiến ở một số Thẩm phán, Hội thẩm về bị cáo là người có tội từ trước khi đưa vụ án ra xét xử. Điều đó được thể hiện qua lời nói của Thẩm phán, Hội thẩm khi xét hỏi (như kết luận bị cáo “chối tội” hay “phản cung”. Không ít trường hợp HĐXX đặt các câu hỏi mang tính ép cung, mớm cung (như: “Bị cáo không lấy trộm thì ai lấy?”) hoặc buộc bị cáo phải chứng minh về sự vô tội của mình hay dụ dỗ bị cáo: “Bị cáo nhận tội thì sẽ được giảm nhẹ hình phạt”. Đây là những biểu hiện sự định kiến của các thành viên HĐXX đối với bị cáo làm cho việc xét xử không bảo đảm tính khách quan.

Thứ năm, theo quy định của BLTTHS thì người làm chứng phải có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, nếu cố ý không đến mà không có lý do chính đáng thì có thể bị dẫn giải (Điều 192). Tuy nhiên, trong thực tiễn tình trạng vắng mặt của những người tham gia tố tụng (người bị hại, người làm chứng,...) tại các phiên tòa hiện nay khá phổ biến và hầu như HĐXX rất ít khi sử dụng biện pháp dẫn giải đối với họ. Điều đó gây trở ngại cho việc xét hỏi để xác minh các chứng cứ, tài liệu cũng như các tình tiết quan trọng của vụ án. Mặt khác, Theo quy định của BLTTHS, trong trường hợp người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì HĐXX phải công bố lời khai, báo cáo, tài liệu, kết luận giám định trong hồ sơ và có thể sử dụng chúng làm căn cứ để ra phán quyết về vụ án. Quy định này không bảo đảm tính khách quan vì thông thường trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thường chủ yếu thu thập chứng cứ buộc tội. Thực tiễn cũng cho thấy không ít trường hợp lời khai

của người làm chứng, bị hại tại phiên tòa khác rất nhiều so với lời khai của họ ở giai đoạn điều tra.

Thứ sáu, tại phiên tòa, Hội thẩm ít tham gia xét hỏi hoặc tuy có hỏi nhưng không đúng trọng tâm vụ án hay hỏi lại những nội dung đã được hỏi. Điều này có thể do nhiều nguyên nhân (như năng lực, trình độ của Hội thẩm còn hạn chế), chưa nắm chắc vụ án hoặc không dám độc lập, ý nại vào Thẩm phán, thậm chí có Hội thẩm không chú ý trong quá trình xét xử.

Thứ bảy, theo quy định của BLTTHS thì trong phần xét hỏi, HĐXX có thể xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ. Tuy nhiên, trong thực tế HĐXX thường chỉ dựa vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ mô tả về vật chứng để làm căn cứ ra phán quyết mà rất ít khi sử dụng quyền này cả trong trường hợp lời khai về vật chứng của các bên mâu thuẫn với nhau.

* ***Về áp dụng các quy định về tranh luận:*** Nhìn chung tại các phiên tòa, HĐXX đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tranh luận, tạo điều kiện cho các bên tranh luận với nhau nhằm làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy vẫn còn một số bất cập cụ thể như sau:

Thứ nhất, hiện nay số vụ án hình sự có Luật sư tham gia chiếm tỷ lệ còn thấp. Trình độ hiểu biết pháp luật của những người tham gia tố tụng, đặc biệt là của bị cáo rất hạn chế. Vì vậy, trong các phiên tòa không có Luật sư thì phần tranh luận giữa bên buộc tội và bên bào chữa rất tẻ nhạt: bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thường không có ý kiến tranh luận gì về nội dung luận tội của Kiểm sát viên, thậm chí còn hoàn toàn nhất trí với luận tội. Ngay cả khi được nói lời nói sau cùng trước khi nghị án thường bị cáo cũng chẳng có ý kiến gì. Thực trạng này làm cho chất lượng tranh tụng tại phiên tòa không đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp.

Thứ hai, theo quy định của Điều 218 BLTTHS, HĐXX không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho các bên trình bày hết ý kiến.

Tuy nhiên, trong thực tế ở một số phiên tòa HĐXX đã hạn chế thời gian tranh luận của Luật sư. Ví dụ: trong phiên tòa ngày 03/8/2007 của TAND TP. Hà Nội xét xử vụ án Bùi Tiến Dũng, Chủ tọa phiên tòa đã hạn chế thời gian cho phép mỗi Luật sư chỉ được phát biểu ý kiến tranh luận trong 10 phút. Việc làm này của Chủ tọa phiên tòa rõ ràng đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, gây sự phản ứng của những người tham dự phiên tòa, làm giảm uy tín của HĐXX [47, tr.107].

Thứ ba, trong nhiều trường hợp khi người bào chữa đưa ra vấn đề và yêu cầu tranh luận với Kiểm sát viên, nhưng Kiểm sát viên không đáp lại mà Chủ tọa phiên tòa cũng không yêu cầu Kiểm sát viên đối đáp với người bào chữa [43, tr.78; 47, tr.109]. Điều đó cho thấy HĐXX chưa làm hết trách nhiệm của mình và chưa nhận thức hết ý nghĩa của việc tranh luận là cơ sở để đưa ra phán quyết đúng đắn về vụ án.

Bốn là, theo quy định của BLTTHS, những vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, thì người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ trình bày lời buộc tội (khoản 3 Điều 51) nhưng lại không quy định rõ họ sẽ trình bày lời luận tội khi nào. Điều này dẫn đến sự áp dụng không thống nhất trong thực tiễn: Có HĐXX để họ trình bày lời buộc tội sau Kiểm sát viên, có HĐXX cho họ trình bày sau người bào chữa, bị cáo. Thực trạng này ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện quyền buộc tội của người bị hại và quyền bào chữa của bị cáo. Sự vấn đề bất cập này cần được hoàn thiện theo hướng quy định: đối với vụ án khởi tố theo yêu cầu của bị hại thì người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ trình bày lời buộc tội trước khi Kiểm sát viên luận tội.

*** Về áp dụng các quy định về nghị án, tuyên án:**

1) *Về việc khởi tố vụ án hình sự*: Theo khoản 1 Điều 104 BLTTHS thì “HĐXX ra quyết định khởi tố vụ án nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện được tội phạm hoặc người phạm tội mới cần phải điều tra”. Đa số ý kiến

cho rằng, cần loại bỏ quy định về quyền khởi tố vụ án hình sự của HĐXX với lý do sau:

Thứ nhất, vai trò của Tòa án (HĐXX) là “trọng tài” có chức năng xét xử trên cơ sở truy tố của Viện kiểm sát. Trách nhiệm khởi tố vụ án thuộc về chức năng buộc tội (thẩm quyền của Viện kiểm sát). Việc giao cho HĐXX quyền khởi tố vụ án tại phiên tòa là “lấn sân” sang chức năng công tố của Viện kiểm sát. Mặt khác, theo quy định của pháp luật thì sau khi khởi tố vụ án, HĐXX phải chuyển quyết định này cho Viện kiểm sát để xem xét, quyết định việc điều tra. Nếu không nhất trí với quyết định thì Viện kiểm sát có thể không tiến hành điều tra hoặc kháng nghị lên Tòa án cấp trên. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến vai trò, chức năng và uy tín của Tòa án.

Hai là, tại phiên tòa do phải tập trung vào xét hỏi và nghe lời khai nên HĐXX không có điều kiện làm rõ tội phạm mới hoặc người phạm tội mới. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp trước khi khởi tố vụ án cần phải xác minh, kiểm tra các thông tin về tội phạm hoặc người phạm tội mới.

Thứ ba, việc HĐXX khởi tố vụ án còn có thể ảnh hưởng đến tính khách quan, nếu sau này vụ án được đưa ra xét xử cùng Tòa án đó.

Từ phân tích trên, tác giả đồng tình với quan điểm cho rằng, chỉ nên quy định nếu tại phiên tòa mà phát hiện tội phạm mới hoặc người phạm tội mới thì HĐXX yêu cầu Viện kiểm sát xem xét việc khởi tố vụ án.

2) *Về việc ra kiến nghị của HĐXX*: Theo quy định tại Điều 225 của BLTTHS thì cùng với việc ra bản án, Tòa án ra kiến nghị yêu cầu các cơ quan, tổ chức áp dụng biện pháp cần thiết để khắc phục các nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm. Đây là quy định phù hợp và cần thiết thể hiện vai trò và vị thế của Tòa án (HĐXX) đối với việc quản lý xã hội và đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, trong thực tế cũng rất ít khi HĐXX ra kiến nghị này.

3) *Về thời hạn tạm giam bị cáo*: Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 BLTTHS thì thời hạn tạm giam bị cáo là 45 ngày kể từ ngày tuyên án. Quy định này gây sự lúng túng cho HĐXX khi ra quyết định tạm giam trong trường hợp bị cáo bị xử phạt tù, nhưng tính từ ngày tuyên án đến khi chấp hành xong hình phạt tù chỉ còn lại dưới 45 ngày. Để khắc phục sự bất cập này, tại điểm 4 Phần IV Nghị quyết 04/2004/HĐTP-TANDTC đã hướng dẫn như sau: “*Nếu thời hạn hình phạt tù còn lại dưới 45 ngày thì ghi thời hạn tạm giam bằng thời hạn hình phạt tù còn lại...*” [38]. Đây cũng là vấn đề bất cập cần hoàn thiện theo hướng bổ sung hướng dẫn này vào cuối khoản 3 Điều 228 BLTTHS.

2.3.3. Nguyên nhân của những bất cập, vướng mắc

Thực trạng những bất cập trong BLTTHS năm 2003 nói chung và các quy định về HĐXXST nói riêng (nêu trên) do các nguyên nhân sau:

*** Sự bất cập trong tư duy nhận thức về “quyền tư pháp”, “tranh tụng” và các vấn đề liên quan**: Tư duy nhận thức về “quyền tư pháp”, “tranh tụng” và các vấn đề liên quan là cơ sở lý luận để thể chế hóa đúng và chính xác chủ trương, chính sách của Đảng trong pháp luật. Tuy nhiên, đến nay trong khoa học pháp lý cũng như các văn kiện của Đảng, các vấn đề này chưa được nhận thức đúng và chính xác dẫn đến sự phân định không rõ ràng giữa các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; nhầm lẫn trong việc xác định vai trò, chức năng của Tòa án và các vấn đề khác có liên quan. Đây chính là nguyên nhân gốc rễ dẫn đến những bất cập, tồn tại của hệ thống pháp luật nước ta nói chung và BLTTHS cũng như các quy định về HHXXST nói riêng.

1) *Tư duy nhận thức về “quyền tư pháp” và các khái niệm liên quan*: Tư duy nhận thức không đúng về “quyền tư pháp” và các khái niệm liên quan được thể hiện rõ nét trong các văn kiện của Đảng như các Nghị quyết: số 08-NQ/TW, số 48-NQ/TW và số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị. Các cụm từ “cơ quan tư pháp”, “hoạt động tư pháp” và “cán bộ tư pháp” được sử dụng

trong các văn bản này đều với nghĩa bao hàm cả Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và cả các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp: “... *hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử... Tổ chức các cơ quan tư pháp và các chế định hỗ trợ tư pháp...; trong đó Tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm... Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp...*” [11].

Tác giả cho rằng, tư duy nhận thức không đúng này xuất phát từ nhận thức lý luận không đúng, thậm chí tùy tiện về các khái niệm này. Vì vậy, về mặt nhận lý luận cần có sự phân định rõ ràng giữa ba nhánh quyền (lập pháp, hành pháp và tư pháp) cũng như xác định nội hàm của khái niệm “quyền tư pháp” chỉ bao gồm quyền tài phán do Tòa án thực hiện.

2) *Nhận thức về “tranh tụng” và các vấn đề liên quan*: Về mặt lý luận chúng ta thừa nhận sự tồn tại của tranh tụng và các bên tham gia tranh tụng trong TTHS, nhưng lại không phân định rõ các chức năng tố tụng cơ bản (buộc tội, bào chữa và xét xử) giữa các chủ thể tham TTHS. Điều đó dẫn đến sự nhầm lẫn khi quy định trong pháp luật TTHS về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tòa án và của các chủ thể khác cũng như khi quy định về trình tự, thủ tục xét xử tại phiên tòa.

Từ phân tích trên, tác giả cho rằng hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung (và BLTTHS cũng như các quy định về HĐXXST nói riêng) chỉ có thể được hoàn thiện một cách đồng bộ khi và chỉ khi chúng ta nhận thức đúng và chính xác về lý luận nội hàm của các khái niệm: “quyền tư pháp”, “tranh tụng trong tố tụng” và các vấn đề liên quan.

* *Sự bất cập trong các quy định của BLTTHS về HĐXXST*: Tư duy nhận thức lý luận các văn kiện của Đảng và trong khoa học pháp lý về “quyền tư pháp”, “tranh tụng” và các vấn đề liên quan (đã nêu trên) là nguyên nhân chính dẫn đến những bất cập trong hệ thống pháp luật Việt Nam (và BLTTHS năm 2003 cũng như các quy định về HĐXXST nói riêng). Mặt

khác, do BLTTHS năm 2003 được xây dựng quá gấp rút, vội vàng nhằm thể chế hóa kịp thời quan điểm về cải cách tư pháp trong Nghị quyết số 08-NQ/TW dẫn đến các quy định của Bộ luật được sửa đổi bổ sung chắp vá, không đồng bộ, chông chéo về chức năng, nhiệm vụ của các chủ thể tham gia TTHS. Điều đó thể hiện ở một số điểm sau đây:

Thứ nhất, Bộ luật quy định quá nhiều nguyên tắc cơ bản (30 nguyên tắc, nhiều quy định không phải là nguyên tắc), trong khi đó một số nguyên tắc cơ bản và quan trọng khác của TTHS (như: nguyên tắc tranh tụng) lại không được ghi nhận. Điều đó dẫn đến sự tản mạn, trùng lặp về nội dung hoặc một số nguyên tắc (như suy đoán vô tội; xác định sự thật của vụ án...) lại không được thể hiện đầy đủ, cụ thể và rõ ràng [55].

Thứ hai, việc cụ thể hóa các nguyên tắc cơ bản trong các quy định cụ thể của BLTTHS (về phân loại các chủ thể tham gia TTHS; các quyền và nghĩa vụ của từng chủ thể; trình tự, thủ tục xét xử tại phiên tòa;...) không cụ thể, rõ ràng, không phù hợp với chức năng tổ tụng của các chủ thể dẫn đến việc nhận thức, áp dụng không đúng và thống nhất trong thực tiễn.

Thứ ba, thiếu sự giải thích, hướng dẫn kịp thời, đầy đủ, cụ thể và rõ ràng của cơ quan có thẩm quyền về áp dụng các quy định của BLTTHS.

* ***Sự bất cập, hạn chế của đội ngũ Thẩm phán:*** Một bộ phận Thẩm phán nói chung và Thẩm phán cấp sơ thẩm còn hạn chế về trình độ chuyên môn, năng lực nghiệp vụ, chưa được bồi dưỡng đầy đủ, cập nhật kiến thức pháp luật chưa thường xuyên kịp thời, lại thiếu sự hướng dẫn đầy đủ về áp dụng các quy định của BLTTHS dẫn đến sự nhận thức và áp dụng không đúng, thống nhất giữa các Tòa án và giữa các Thẩm phán, Hội thẩm. Nhiều Thẩm phán (kể cả lãnh đạo) vẫn nhận thức về nguyên tắc "suy đoán vô tội" theo hướng "suy đoán có tội", bảo thủ, định kiến đối với bị cáo...

* ***Thiếu cơ chế hữu hiệu bảo đảm tính khả thi của nguyên tắc "Thẩm***

phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”: Mặc dù được ghi nhận với tư cách là nguyên tắc hiến định, một trong các nguyên tắc cơ bản của TTHS, nhưng trên thực tế ở Việt Nam chưa thiết lập được một cơ chế hữu hiệu và các điều kiện cần thiết để bảo đảm tính khả thi của nguyên tắc này nên Thẩm phán, Hội thẩm không “*dám*” độc lập và chỉ tuân theo pháp luật với lý do sau:

- Việc bổ nhiệm Thẩm phán dựa vào rất nhiều tiêu chuẩn, nhưng các tiêu chuẩn về chuyên môn và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp chưa được quan tâm đúng mức. Chưa thật sự bảo đảm được sự công bằng trong lựa chọn được những người có đủ trình độ chuyên môn và năng lực nghiệp vụ do bị nhiều yếu tố khách quan chi phối; Nhiệm kỳ 05 năm cũng gây cho Thẩm phán tâm lý lo lắng không được tái nhiệm, nếu “*dám*” độc lập xét xử. Ngoài ra, chế độ đãi ngộ (lương, phụ cấp nghề nghiệp...) không bảo đảm cho cuộc sống gia đình của họ,... cũng là yếu tố tác động không nhỏ đến tính độc lập của Thẩm phán.

- Chưa có sự phân định rõ ràng giữa thẩm quyền tư pháp và thẩm quyền quản lý hành chính giữa Chánh án, Phó chánh án và Thẩm phán. Quan hệ giữa Chánh án, Phó chánh án và Thẩm phán cũng được coi là quan hệ “*cấp trên - cấp dưới*”, “*Thủ trưởng - nhân viên*” như trong lĩnh vực hành pháp. Trên thực tế thì nguyên tắc “*Thẩm phán xét xử độc lập...*” bị vi phạm bởi chính lãnh đạo Tòa án với quy chế “*bắt thành văn*” (khá phổ biến cả địa phương và ở Trung ương) về báo cáo án, duyệt án, thỉnh thị án, xin ý kiến Tòa án cấp trên.

- Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp được thực hiện thông qua pháp luật (là sự thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng) nhưng trên thực tế nguyên tắc này bị không ít cấp ủy Đảng và chính quyền (cả ở Trung ương và địa phương) lạm dụng để can thiệp vào quá trình xử lý các vụ án cụ thể (xử lý hay không xử lý? tội gì? hình phạt thế nào?), đặc biệt là những vụ

án liên quan đến người có chức vụ cao trong bộ máy nhà nước.

- Thẩm phán không dám độc lập còn do thiếu lòng tin của lãnh đạo (sợ Thẩm phán tiêu cực), do không đủ trình độ, năng lực chuyên môn, không dám chịu trách nhiệm về các quyết định của mình, bị ràng buộc bởi cơ chế tái nhiệm, sự thăng tiến, sự chi phối, bị tác động của lãnh đạo, cấp ủy, người có chức quyền trong các cơ quan nhà nước, tổ chức Đảng.

Ngoài ra, kinh phí hoạt động của Tòa án, các tiêu cực của cơ chế thị trường khiến cho các Tòa án và Thẩm phán khó có thể duy trì được sự độc lập xét xử trước sự tác động tiêu cực đa dạng, đa phương này.

* ***Sự bất cập về mô hình TTHS***: Việt Nam đã duy trì quá lâu mô hình tố tụng thiên về thẩm vấn, theo đó mọi diễn biến của vụ án hình sự được mô tả trong hồ sơ. Mặt khác, không ít Thẩm phán, Hội thẩm vẫn có quan niệm “*án tại hồ sơ*” nên khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã bị chi phối, tác động bởi các tình tiết của vụ án được “*trường thuật*” trong các chứng cứ, tài liệu, coi đây là căn cứ duy nhất để đưa ra phán quyết về vụ án mà không quan tâm đến kết quả xét hỏi cũng như tranh luận của các bên tại phiên tòa.

Kết luận Chương 2

Kết quả nghiên cứu trong Chương 2 cho thấy các quy định của BLTTHS hiện hành nói chung và các quy định về HĐXXST đã kịp thời cụ thể hóa được quan điểm, tư tưởng chỉ đạo trong Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp và bước đầu đã khắc phục được những bất cập, tồn tại trong các quy định của BLTTHS năm 1988, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm ở nước ta trong thời gian qua. Bên cạnh đó, thực tiễn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự những năm qua cũng cho thấy nhiều quy định của Bộ luật này nói chung và các quy định về HĐXXST nói riêng bộc lộ nhiều bất cập, tồn tại cần được nghiên cứu để tiếp tục hoàn thiện.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ XÉT XỬ SƠ THẨM CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1. Hoàn thiện các quy định của bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về Hội đồng xét xử sơ thẩm

Hoàn thiện pháp luật TTTHS nói chung và các quy định về HĐXXST nói riêng là nhu cầu tất yếu, khách quan xuất phát từ yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay đã được xác định trong Nghị quyết 48-NQ/TW: “*Trọng tâm là hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của TAND, bảo đảm Tòa án xét xử độc lập, đúng pháp luật, kịp thời và nghiêm minh...*”[5]. Việc hoàn thiện này phải được tiến hành đồng bộ với sự hoàn thiện toàn diện hệ thống pháp luật nói chung, hoàn thiện các nguyên tắc về tổ chức, hoạt động của Tòa án, các quy định chung và các quy định cụ thể của BLTTTHS về HĐXXST.

3.1.1. Hoàn thiện một số nguyên tắc và quy định chung của Bộ luật tố tụng hình sự liên quan đến tổ chức, hoạt động của Tòa án

Các nguyên tắc cơ bản và các quy định chung liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tòa án (HĐXX) đã được sửa đổi bổ sung trong BLTTTHS năm 2015. Trong đó có 07 nguyên tắc (gồm: Xác định sự thật của vụ án; Trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự; Tòa án xét xử tập thể; Thực hiện chế độ xét xử có Hội thẩm tham gia; bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án; Bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án) được giữ nguyên tên gọi. Một số nguyên tắc được sửa đổi về hình thức (tên gọi) bao gồm: “Không ai bị coi là có tội...” được thay bằng “Suy đoán vô tội”; “Bảo đảm quyền bào chữa...” được thay bằng “Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo

vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự”; “Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập...” được thay bằng “Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập...”; “Tòa án xét xử công khai” được thay bằng “Tòa án xét xử kịp thời, công bằng, công khai”; “Thực hiện chế độ hai cấp xét xử” được thay bằng “Chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm”. Một số nguyên tắc khác được sửa đổi bổ sung cả về hình thức và nội dung như: “Bảo đảm quyền bào chữa...” (Điều 11); “Thực hiện chế độ xét xử có Hội thẩm tham gia” (Điều 15); “Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật...” (Điều 16); “Tòa án xét xử tập thể” (Điều 17); “Tòa án xét xử công khai” (Điều 18); “Thực hiện chế độ hai cấp xét xử” (Điều 20) và “Bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án” (Điều 22). Ngoài ra, BLTTHS năm 2015 đã loại bỏ hai nguyên tắc “Bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án” (Điều 19) và “Giám đốc việc xét xử” (Điều 21), đồng thời bổ sung hai nguyên tắc mới: “Không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm” (Điều 14) và “tranh tụng trong xét xử” (Điều 26).

Tác giả cho rằng việc sửa đổi bổ sung các nguyên tắc có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tòa án (HĐXX) trong BLTTHS năm 2015 về cơ bản đã khắc phục được phần lớn những bất cập của các nguyên tắc này trong BLTTHS năm 2003. Ví dụ: nguyên tắc “*suy đoán vô tội*” lần đầu tiên được ghi nhận chính thức trong Hiến pháp năm 2013 và được cụ thể hóa một cách đầy đủ nhất cả về nội dung và hình thức với tên gọi “*Suy đoán vô tội*” tại Điều 13 BLTTHS năm 2015:

- “1. Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có HLPL.
2. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”.

Tuy nhiên, còn một số nguyên tắc của BLTTHS năm 2003 tuy đã được BLTTHS năm 2015 sửa đổi bổ sung nhưng sự bất cập của chúng vẫn chưa được khắc phục triệt để cần được tiếp tục hoàn thiện, cụ thể như sau:

* **Về nguyên tắc xác định sự thật của vụ án:** Nguyên tắc này được sửa đổi bổ sung và quy định tại Điều 15 BLTTHS mới nhưng vẫn giữ nguyên sự bất cập khi quy định “trách nhiệm chứng minh tội phạm” thuộc cả về Tòa án (HĐXX). Tác giả cho rằng nguyên tắc này cần được hoàn thiện theo hướng: Thay cụm từ “*cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng*” bằng cụm từ “*các chủ thể của bên buộc tội*” ở khoản 1 và thay cụm từ “*cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng*” bằng cụm từ “*chủ thể của các bên và Tòa án*” ở khoản 2. Như vậy, nội dung sửa đổi của nguyên tắc này sẽ như sau:

Điều 15. Xác định sự thật của vụ án

1. Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về *các chủ thể của bên buộc tội*. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, *chủ thể của các bên và Tòa án* phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án... và tình tiết giảm nhẹ TNHS của người bị buộc tội.

* **Về nguyên tắc “Trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự”:** Điều 18 BLTTHS năm 2015 đã sửa đổi bổ sung nguyên tắc này nhưng vẫn giữ nguyên sự bất cập khi quy định “*cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng*” (bao gồm cả Tòa án (HĐXX) có trách nhiệm khởi tố vụ án hình sự. Tác giả cho rằng trách nhiệm khởi tố vụ án hình sự thuộc về chức năng buộc tội mà không thuộc chức năng xét xử. Vì vậy, nguyên tắc này cần được sửa đổi bổ sung theo hướng loại bỏ trách nhiệm khởi tố vụ án của Tòa án (HĐXX) bằng cách thay cụm từ “*cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng*” bằng cụm từ “*Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát*” ở đoạn 1. Nội dung sửa đổi của nguyên tắc này sẽ như sau:

“Điều 18. Trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự

Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có trách nhiệm khởi tố vụ án... và xử lý người phạm tội...”.

* **Về nguyên tắc tranh tụng trong xét xử:** Lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp, nguyên tắc này được ghi nhận chính thức trong Hiến pháp năm 2013 (khoản 5 Điều 103) và được cụ thể hóa tại Điều 26 BLTTHS năm 2015. Tuy nhiên, tác giả cho rằng, đây là nguyên tắc xuyên suốt toàn bộ quá trình TTHS chứ không phải chỉ trong giai đoạn xét xử. Vì vậy, để bao quát và phản ánh đầy đủ các yêu cầu của tranh tụng, nguyên tắc này cần được tiếp tục hoàn thiện cụ thể như sau: *Về tên gọi*, nguyên tắc này nên đổi thành “*Tranh tụng giữa các bên*” và nội dung cần được sửa đổi bổ sung như sau:

“Điều 26. Tranh tụng giữa các bên

1. TTHS được tiến hành trên cơ sở tranh tụng giữa bên buộc tội và bên bào chữa.

2. Trong TTHS các chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử là độc lập với nhau, trong đó các chủ thể của bên buộc tội thực hiện chức năng buộc tội, các chủ thể của bên bào chữa thực hiện và Tòa án thực hiện chức năng xét xử.

3. Chủ thể của các bên có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Tòa án tạo điều kiện cho các bên và những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án.

4. Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS, áp dụng điểm, khoản, điều của BLHS... đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa.

5. Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

*** Về Chương III và Chương IV của BLTTHS năm 2003:** Tác giả cho rằng, các quy định tại Chương III (cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng) và Chương IV (người tham gia tố tụng) của BLTTHS năm 2015 vẫn chưa khắc phục được sự bất cập của BLTTHS năm 2003 và cần được tiếp tục hoàn thiện cho phù hợp nội dung sửa đổi của các nguyên tắc đã nêu trên cũng như với chức năng của các bên và Tòa án trong TTHS. Tuy nhiên, do phạm vi nghiên cứu của Luận văn hạn chế nên tác giả chỉ đề xuất định hướng sửa đổi các quy định này mà không thể đi vào cụ thể của từng quy định trong hai chương này của BLTTHS, cụ thể như sau:

Thứ nhất, cần phân các chủ thể tham gia TTHS theo chức năng tố tụng mà họ thực hiện thành 04 nhóm sau:

a) Các chủ thể thực hiện chức năng buộc tội (Bên buộc tội) gồm: Kiểm sát viên, người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan trong vụ án, người đại diện và người bảo vệ quyền lợi của họ;

b) Các chủ thể thực hiện chức năng bào chữa (Bên bào chữa) gồm: Người bào chữa, bị cáo, người có nghĩa vụ liên quan trong vụ án, người đại diện và người bảo vệ quyền lợi của họ;

c) Các chủ thể thực hiện chức năng xét xử (Tòa án) gồm: Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký;

d) Các chủ thể tham gia tố tụng khác gồm: Người làm chứng, giám định viên, người định giá, phiên dịch.

Thứ hai, cần xác định đúng và đầy đủ các quyền hạn và nghĩa vụ (nhiệm vụ) cụ thể của từng chủ thể phù hợp với chức năng tố tụng (buộc tội, bào chữa, xét xử) mà họ thực hiện, đồng thời loại bỏ những quyền hạn, nghĩa vụ (nhiệm vụ) không thuộc về chức năng của chủ thể đó (như: trách nhiệm chứng minh tội phạm, khởi tố vụ án hình sự thuộc về chức năng buộc tội nên không thể giao cho của Tòa án - HĐXX).

3.1.2. Hoàn thiện một số quy định về Hội đồng xét xử sơ thẩm

* **Quy định về thành phần HĐXXST:** Tác giả cho rằng, việc quy định “Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số” (trong đó các Hội thẩm luôn chiếm đa số (02/3 hoặc 03/5) trong HĐXX) là sự bất cập của BLTTHS năm 2003 và chưa được BLTTHS năm 2015 (Điều 254) khắc phục. Thực tiễn xét xử cho thấy các Hội thẩm không phải là các chuyên gia pháp lý, không được đào tạo về kỹ năng xét xử nên họ thường có tâm lý ỷ nại, phụ thuộc vào Thẩm phán khi biểu quyết về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Vì vậy, để nâng cao chất lượng xét xử, bảo đảm để Tòa án là chỗ dựa vững chắc và tin cậy nhân dân, Điều 254 BLTTHS năm 2015 cần được tiếp tục hoàn thiện theo hướng quy định các Thẩm phán chiếm đa số trong HĐXX, cụ thể là:

Điều 254. Thành phần HĐXXST

1. HĐXX gồm 02 Thẩm phán và 01 Hội thẩm. Trong trường hợp vụ án có tính chất..., thì HĐXX có thể gồm 03 Thẩm phán và 02 Hội thẩm.

2. Đối với vụ án mà bị cáo bị đưa ra xét xử về tội có mức cao nhất là tử hình thì HĐXX gồm 03 Thẩm phán và 02 Hội thẩm.

* **Quy định về giới hạn xét xử:** Tác giả cho rằng, sự bất cập trong BLTTHS hiện hành (Điều 196) về giới hạn xét xử vẫn tiếp tục tồn tại trong BLLTTHS năm 2015 (Điều 298). Việc cho phép Tòa án xét xử bị cáo theo khoản nặng hơn khoản mà Viện kiểm sát truy tố không chỉ trái với chức năng xét xử và vai trò “trọng tài” của Tòa án mà còn vi phạm quyền bào chữa của bị cáo. Vì vậy, khoản 2 và khoản 3 của Điều 298 BLLTTHS cần được tiếp tục hoàn thiện cho phù hợp với chức năng xét xử của Tòa án và bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo, cụ thể như sau:

“Điều 298. Giới hạn xét xử”

1....

2. Tòa án có thể xét xử... hoặc về một tội khác với tội mà Viện kiểm sát truy tố nhưng không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo.

3. Trường hợp xét thấy cần xét xử bị cáo theo khoản năng hơn trong cùng một điều luật hoặc về tội danh năng hơn tội danh Viện kiểm sát truy tố thì Tòa án trả hồ sơ để Viện kiểm sát truy tố lại”.

* **Quy định về phòng xử án:** Điều 257 BLTTHS năm 2015 quy định về phòng xử án nên đã khắc phục được sự bất cập của BLTTHS hiện hành “*bỏ quên*” không điều chỉnh về vấn đề này. Tuy nhiên, nội dung quy định này lại quá chung chung: “Phòng xử án phải được bố trí thể hiện sự trang nghiêm, an toàn, bảo đảm sự bình đẳng giữa người thực hành quyền công tố và Luật sư, người bào chữa khác” và giao cho Chánh án TANDTC quy định chi tiết. Vì vậy, theo tác giả Điều 257 BLTTHS mới cần được tiếp tục hoàn thiện theo hướng xác định cụ thể vị trí ngồi của HĐXX, chủ thể của các bên tranh tụng và những người tham gia tố tụng khác phù hợp với nguyên tắc tranh tụng, đề cao địa vị pháp lý và vai trò của Tòa án (HĐXX), cụ thể như sau:

“Điều 257. Phòng xử án

1. Phòng xử án phải nghiêm trang, bảo đảm an toàn và sự bình đẳng giữa bên buộc tội và bên bào chữa; phía trên của phòng xử án treo Quốc huy của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
2. HĐXX ngồi ở vị trí cao nhất chính giữa phía trên của phòng xử án, tiếp theo là Thư ký Tòa án.
3. Kiểm sát viên và các chủ thể của bên buộc tội ngồi phía dưới bên phải HĐXX; Người bào chữa, bị cáo và các chủ thể của bên bào chữa ngồi bên trái đối diện với bên buộc tội.
4. Người giám định, người phiên dịch, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác ngồi ở hàng ghế đầu tiên, phía trước những người tham dự phiên tòa”.

3.1.3. Hoàn thiện các quy định về Hội đồng xét xử tại phiên tòa

* **Các quy định về xét hỏi tại phiên tòa:** Tác giả cho rằng, những bất cập trong các quy định này của BLTTHS hiện hành về cơ bản vẫn tồn tại

trong BLTTHS năm 2015. Vì vậy, để nâng cao tính tranh tụng tại phiên tòa, bảo đảm để các chủ thể tham gia tranh tụng và HĐXX thực hiện đúng chức năng của mình, đồng thời tạo điều kiện cho HĐXX tập trung xem xét, đánh giá các chứng cứ, tài liệu, ý kiến tranh luận của các bên làm cơ sở cho việc đưa ra phán quyết đúng đắn về vụ án, các quy định về xét hỏi trong BLTTHS năm 2015 cần được tiếp tục hoàn thiện, cụ thể như sau:

1) *Quy định về trình tự xét hỏi*: cần được hoàn thiện như sau:

“Điều 307. Trình tự xét hỏi”

1. Việc xét hỏi phải xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội trong vụ án và từng người.

2. Chủ tọa phiên tòa điều hành việc xét hỏi theo trình tự sau: Kiểm sát viên hỏi trước, tiếp theo là người bảo vệ quyền lợi của đương sự thuộc bên buộc tội, sau đó là người bào chữa và người bảo vệ quyền lợi của đương sự thuộc bên bào chữa. Chủ tọa phiên tòa cho cách ly những người tham gia tố tụng, nếu xét thấy sự có mặt của họ có thể ảnh hưởng đến tính khách quan trong lời khai của người được xét hỏi.

3. Những người tham gia tố tụng khác có quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ. HĐXX hỏi thêm về những vấn đề chưa rõ, có mâu thuẫn hoặc chưa được các bên xét hỏi.

4. Những vật chứng có liên quan trong vụ án được đưa ra xem xét trong quá trình xét hỏi.

2) *Các quy định khác về xét hỏi* cũng cần được sửa đổi cho phù hợp với về trình tự xét hỏi nêu trên, cụ thể như sau:

“Điều 309. Hỏi bị cáo”

1. Bị cáo được hỏi riêng từng người. Trong trường hợp bị cách ly thì bị cáo được thông báo lại nội dung lời khai của bị cáo trước sau đó mới đặt câu hỏi đối với bị cáo.

2. Trước khi các bên đặt câu hỏi, bị cáo trình bày ý kiến về bản cáo

trạng và những tình tiết của vụ án.

3. Kiểm sát viên hỏi về những tình tiết liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội bị cáo, người bào chữa hỏi... *HĐXX hỏi thêm về những điểm mà bị cáo trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn.*

4. Nếu bị cáo không trả lời câu hỏi thì HĐXX cho hỏi những người khác và xem xét vật chứng, tài liệu có liên quan đến vụ án”.

“Điều 310. Hỏi các đương sự”

Các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày... *Sau đó, các bên và HĐXX hỏi thêm về những điểm mà họ trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn”.*

“Điều 311. Hỏi người làm chứng”

1. Người làm chứng được hỏi riêng từng người theo yêu cầu của các bên.

Khi hỏi phải xác định rõ quan hệ giữa họ với bị cáo và các đương sự.

2. *Trước khi các bên đặt câu hỏi, người làm chứng trình bày về những tình tiết của vụ án mà mình biết. HĐXX hỏi thêm về những điểm mà họ khai chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn.*

3. Nếu người làm chứng là người dưới 18 tuổi thì Chủ tọa phiên tòa có thể yêu cầu cha, mẹ, hoặc thầy giáo, cô giáo giúp đỡ để hỏi”.

* **Các quy định về tranh luận:** Tranh luận tại phiên tòa là phần thể hiện tập trung và rõ nét nhất tính tranh tụng giữa các bên cũng như vai trò “trọng tài” của HĐXX. Tác giả cho rằng, các quy định này về tranh luận trong BLTTHS năm 2015 chưa khắc phục được những bất cập của BLTTHS hiện hành và cần được tiếp tục hoàn thiện cho phù hợp với nguyên tắc tranh tụng và chức năng tố tụng, bảo đảm sự bình đẳng giữa các bên.

1) *Quy định về trình tự phát biểu tranh luận cần sửa đổi như sau:*

“Điều 320. Trình tự phát biểu khi tranh luận

1. Sau khi kết thúc việc xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày luận tội, tiếp theo là người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan

đến vụ án hoặc người đại diện của họ trình bày quan điểm của mình về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Nếu có người bảo vệ quyền lợi thì người này trình bày trước và đương sự bổ sung ý kiến.

2. Bị cáo trình bày lời bào chữa, nếu có người bào chữa thì người này trình bày quan điểm bào chữa của mình về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án và bị cáo bào chữa bổ sung; tiếp theo bị đơn dân sự và người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện của họ trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích của mình; nếu có người bảo vệ quyền lợi thì người này trình bày ý kiến và đương sự bổ sung.

3. Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại thì người bị hại hoặc người đại diện của họ trình bày lời buộc tội trước khi Kiểm sát viên luận tội”.

2) Quy định về trình tự đối đáp cần sửa đổi như sau:

“Điều 321. Đối đáp”

1. Việc đối đáp giữa các bên về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án được thực hiện theo trình tự quy định tại Điều 320 Bộ luật này. Kiểm sát viên phải đưa ra lập luận của mình đối với từng ý kiến tranh luận.

2. Những người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác. Người bào chữa và bị cáo có quyền phát biểu sau cùng.

3. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho họ trình bày hết ý kiến. Nếu thấy ý kiến có liên quan đến vụ án của người tham gia tố tụng chưa được Kiểm sát viên tranh luận, thì Chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên đáp lại ý kiến đó”.

3) Quy định về rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn cần sửa đổi như sau:

“Điều 325. Việc rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn”

1. Khi Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn thì HĐXX xét xử vụ án theo hướng đó.

2. Trong trường hợp không đủ chứng cứ để kết tội hoặc Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố thì HĐXX tuyên bố bị cáo không phạm tội.”

* **Quy định về nghị án và tuyên án:** Tác giả cho rằng sự bất cập của BLTTHS hiện hành về nghị án vẫn tồn tại trong trong các quy định của BLTTHS năm 2015 và cần được tiếp tục hoàn thiện, cụ thể như sau:

1) **Quy định về nghị án:** Điều 326 BLTTHS mới cần được tiếp tục hoàn thiện theo hướng sau:

- Hủy bỏ quy định về trường hợp Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố và trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì nội dung này đã được quy định tại Điều 325 (sửa đổi) nêu trên;

- Bổ sung các căn cứ để HĐXX ra quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án (điểm d khoản 6) như sau: “*Nếu có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 229 Bộ luật này thì HĐXX ra quyết định tạm đình chỉ vụ án; Nếu có một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 155 và Điều 157 Bộ luật này thì HĐXX ra quyết định đình chỉ vụ án*”.

- Hủy bỏ quy định về HĐXX quyết định khởi tố vụ án (khoản 7).

2) **Quy định về tạm giam bị cáo:** Quy định tại khoản 3 Điều 329 BLTTHS mới cần sửa đổi bằng cách bổ sung vào cuối khoản này nội dung sau: “Đối với bị cáo đang bị tạm giam nhưng tính từ ngày kết thúc phiên tòa đến ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù còn dưới 45 ngày thì thời hạn tạm giam bằng thời hạn hình phạt tù còn lại”.

3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự

Ngoài việc đổi mới tư duy nhận thức lý luận về “quyền tư pháp”, “tranh tụng” và các vấn đề liên quan; hoàn thiện BLTTHS hiện hành nói chung và các quy định về HĐXXST nói riêng, để nâng cao hiệu xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự, cần tiến hành đồng bộ một số giải pháp dưới đây:

3.2.1. *Đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án nhân dân*

Tổ chức hệ thống TAND theo đơn vị hành chính lãnh thổ là một trong những bất cập rất lớn không chỉ ảnh hưởng không nhỏ đến sự độc lập của Tòa án và nguyên tắc “Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập...”, mà còn gây lãng phí rất lớn về nhân lực, cơ sở vật chất... Bộ Chính trị đã nhận thấy sự bất cập này và xác định trong Nghị quyết số 49-NQ/TW nhiệm vụ “*trọng tâm là xây dựng, hoàn thiện tổ chức và hoạt động của TAND. Tổ chức hệ thống Tòa án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính...*” [11]. Tuy nhiên, khi thông qua Luật Tổ chức TAND năm 2014, thì sự bất cập này vẫn không được khắc phục khi các TAND cấp huyện và cấp tỉnh vẫn tổ chức theo đơn vị hành chính. Vì vậy, tác giả đồng tình với quan điểm cho rằng cần được tiếp tục đổi mới về tổ chức hệ thống TAND không phụ thuộc vào đơn vị hành chính theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW, theo đó Tòa án sơ thẩm được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện; Tòa án phúc thẩm được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp tỉnh; Tòa thượng thẩm (cấp cao) được tổ chức theo khu vực và TANDTC.

3.2.2. *Nâng cao năng lực xét xử, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cho đội ngũ Thẩm phán các cấp*

Chất lượng và hiệu quả xét xử nói chung và xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự nói riêng chủ yếu phụ thuộc vào chất lượng của HĐXX, trong đó Thẩm phán giữ vai trò rất quan trọng. Vì vậy, để nâng cao chất lượng, hiệu quả xét xử, ngoài việc hoàn thiện pháp luật, đổi mới tổ chức hệ thống TAND, thì việc nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực xét xử, phẩm chất đạo đức cũng như trách nhiệm nghề nghiệp cho đội ngũ Thẩm phán các cấp là vấn đề cần phải được quan tâm và tiến hành thường xuyên.

Luật tổ chức TAND năm 2014 đã quy định đầy đủ và chặt chẽ hơn các tiêu chuẩn tuyển chọn và quy trình bổ nhiệm Thẩm phán các cấp, theo đó ngoài các tiêu chuẩn (là cử nhân luật, được đào tạo nghiệp vụ xét xử, phẩm

chất đạo đức tốt, có sức khỏe và năng lực xét xử...), ứng viên còn phải trải qua kỳ thi tuyển quốc gia. Vì vậy, nhìn chung đội ngũ Thẩm phán các cấp từng bước được kiện toàn và chất lượng được nâng lên. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận không nhỏ Thẩm phán hạn chế về trình độ chuyên môn và năng lực xét xử, không thường xuyên cập nhật kịp thời các quy định của pháp luật, đặc biệt là các đạo luật mới ban hành với nhiều nội dung sửa đổi bổ sung rất cơ bản. Vì vậy, ngành TAND cần có kế hoạch đào tạo lại, tập huấn chuyên sâu hoặc bồi dưỡng theo chuyên đề về các đạo luật mới (BLHS, BLTTHS năm 2015 nói riêng) để Thẩm phán kịp thời cập nhật pháp luật, có nhận thức đúng và áp dụng thống nhất trong thực tiễn. Cũng cần có kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên cho Hội thẩm với chương trình phù hợp nhằm trang bị cho họ kiến thức pháp luật và kỹ năng xét xử cần thiết, đồng thời có chính sách khuyến khích để họ nhiệt tình và có trách nhiệm hơn khi tham gia xét xử.

Ngoài ra, các yếu tố tiêu cực của kinh tế thị trường cũng tác động lớn đối với hoạt động xét xử làm không ít Thẩm phán (và cả Hội thẩm) bị suy thoái biến chất, nhận hối lộ hoặc vì động cơ cá nhân dẫn đến xét xử sai, thậm chí là oan người vô tội. Vì vậy, ngoài việc nâng cao về trình độ năng lực, công tác giáo dục để Thẩm phán, Hội thẩm có lập trường kiên định, giữ vững phẩm chất đạo đức, đề cao tinh thần trách nhiệm cũng cần được tăng cường và tiến hành thường xuyên.

3.2.3. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật

“Thẩm phán (Hội thẩm) độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật...” là một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước ta và được thừa nhận trong pháp luật quốc tế. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau nên trên thực tế ở nước ta nguyên tắc này bị vi phạm rất phạm nghiêm trọng dưới nhiều hình thức và từ nhiều phía cả ở Trung ương cũng như ở địa phương. Vì vậy, để bảo đảm tính khả thi của nguyên tắc này, ngoài

việc hoàn thiện pháp luật, đổi mới tổ chức hệ thống TAND, nâng cao năng lực đội ngũ Thẩm phán, thì việc bảo đảm các điều kiện cần thiết khác dưới đây là rất quan trọng.

Thứ nhất, cần đổi mới cơ chế Đảng lãnh đạo đối với công tác tư pháp nói chung và hoạt động xét xử nói riêng theo hướng thành lập các tổ chức Đảng độc lập theo ngành dọc trong hệ thống TAND để hạn chế tối đa sự can thiệp của những người có chức quyền vào việc xử lý các vụ án.

Thứ hai, loại bỏ “*cơ chế báo cáo, thỉnh thị, duyệt án*” dưới mọi hình thức đã và đang tồn tại trong hoạt động của Tòa án các cấp hiện nay.

Thứ ba, đổi mới phương thức thi tuyển Thẩm phán, kéo dài nhiệm kỳ Thẩm phán cho đến tuổi nghỉ hưu, quy định chặt chẽ việc chuyển chuyên, điều động công tác đối với họ. Thẩm phán chỉ có thể bị cách chức, miễn nhiệm khi vi phạm pháp luật, không đủ sức khỏe hay năng lực xét xử. Mặt khác, phải nâng cao lập trường tư tưởng, tinh thần trách nhiệm của Thẩm phán để họ yên tâm và không sợ áp lực từ những người có chức, quyền.

Thứ tư, thiết lập chế độ kỷ luật công tác chặt chẽ, kiên quyết xử lý nghiêm minh mọi trường hợp lãnh đạo Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm vi phạm pháp luật cũng như những người lợi dụng chức quyền, sự lãnh đạo của Đảng để can thiệp vào hoạt động xét xử.

Thứ năm, cần tiếp tục cải cách chính sách đãi ngộ tương xứng với tính chất hoạt động đặc thù của Thẩm phán, đủ bảo đảm cuộc sống của bản thân họ và gia đình để họ yên tâm “*cầm cân nảy mực*” và đủ sức “*đề kháng*” với các tiêu cực. Cũng cần cải tiến chế độ bồi dưỡng Hội thẩm để họ nhiệt tình, tận tâm và có trách nhiệm khi tham gia xét xử.

3.2.4. Tăng cường phổ biến và hướng dẫn áp dụng pháp luật

* ***Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật***: Pháp luật chỉ có thể đi vào cuộc sống thông qua hoạt động của các chủ thể (con người), trong đó phổ biến, giáo dục pháp luật chính là cầu nối đưa pháp luật vào đời sống.

Những năm gần đây, Nhà nước đã ban hành nhiều đạo luật mới (Hiến pháp, Luật tổ chức TAND, BLHS, BLTTHS...) với nhiều nội dung được bổ sung rất mới. Để đưa các đạo luật này vào cuộc sống, cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về các đạo luật này, đặc biệt là các quy định mới. Công tác này phải được tiến hành thường xuyên, có hệ thống với các hình thức phong phú, cấp độ khác nhau, nội dung thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp với từng đối tượng. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng đã được xác định rõ trong các Nghị quyết gần đây của Quốc hội.

* **Công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật:** Để nhận thức đúng và áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử, thì việc hướng dẫn áp dụng pháp luật là hết sức quan trọng. Theo quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức TAND năm 2014, TANDTC (Hội đồng Thẩm phán) có nhiệm vụ bảo đảm việc áp dụng thống nhất pháp luật. Vì vậy, Hội đồng Thẩm phán TANDTC phải thực hiện tốt nhiệm vụ này, cụ thể là:

1) *Ban hành các nghị quyết* để kịp thời hướng dẫn (giải thích) áp dụng các quy định cụ thể của các đạo luật (BLHS, BLTTHS,...), đặc biệt là các quy định có nội dung (khái niệm) mới được sửa đổi bổ sung (như: “quyền tư pháp”, “tranh tụng” và các vấn đề có liên quan).

2) *Xây dựng và ban hành án lệ:* Án lệ được xây dựng theo nguyên tắc “các vụ việc có nội dung tương tự phải được xét xử và phán quyết như nhau”. Việc áp dụng các án lệ là phương thức quan trọng bảo đảm việc áp dụng thống nhất pháp luật trên phạm vi cả nước đồng thời khắc phục được tình trạng “lách luật”, lợi dụng “lỗ hổng” của pháp luật, hạn chế việc xét xử oan sai, bảo đảm công lý và sự minh bạch của hoạt động tư pháp.

Ngoài các giải pháp nêu trên, cũng cần tiến hành đồng bộ các giải pháp khác như: Bảo đảm cơ chế tài chính và cơ sở vật chất cần thiết cho hoạt động xét xử của Tòa án; Tăng cường công tác kiểm sát, giám đốc việc xét xử; sự giám sát của nhân dân đối với hoạt động xét xử...

Kết luận Chương 3

Kết quả nghiên cứu ở Chương 3 cho thấy, việc nâng cao hiệu quả xét xử nói chung và xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự nói riêng là nhu cầu tất yếu khách quan của công cuộc cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN trong giai đoạn hiện nay. Đây cũng là một trong các yêu cầu, đặt ra đối với nhiệm vụ của TAND trong giai đoạn cách mạng mới là “bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”. Để đạt được mục đích này, ngoài việc hoàn thiện hệ thống pháp luật (pháp luật TTHS) nói chung và các quy định về HĐXXST của BLTTHS nói riêng là giải pháp có vai trò và ý nghĩa đặc biệt quan trọng, cần phải tiến hành đồng bộ và hiệu quả các giải pháp khác như: Đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống TAND; Hoàn thiện cơ chế bảo đảm nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật; Nâng cao năng lực xét xử, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cho đội ngũ Thẩm phán các cấp; Tăng cường phổ biến và hướng dẫn áp dụng pháp luật.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đề tài “*Hội đồng xét xử sơ thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*” cho phép tác giả rút ra một số kết luận sau:

1) Về bản chất thì nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước và vì vậy, đảm bảo sự tham gia của nhân dân trong việc thực hiện và kiểm soát quyền lực nhà nước (bao gồm cả quyền tư pháp) là một yêu cầu tất yếu và là một trong những nguyên tắc hiến định được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật của nhiều quốc gia. Tuy nhiên, hình thức tham gia của nhân dân vào hoạt động xét xử được áp dụng rất khác nhau: Một số nước áp dụng chế định Bồi thẩm đoàn, một số nước khác áp dụng chế định Hội thẩm.

2) Ở Việt Nam, chế định HĐXXST liên quan chặt chẽ với chế định Hội thẩm và là sự cụ thể hóa của hai nguyên tắc hiến định: “Việc xét xử sơ thẩm của Tòa án có Hội thẩm tham gia...”; “Tòa án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số...” được ghi nhận trong các Hiến pháp của nước ta từ năm 1945 đến nay.

3) Về mặt pháp lý, HĐXXST được chính thức thành lập trên cơ sở Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chấm dứt hoạt động sau khi kết thúc phiên tòa. Vì vậy, địa vị pháp lý, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐXXST trong TTHS được xác định bởi các quy định của BLTTHS gồm các nhóm sau: a) Các nguyên tắc và các quy định chung của Bộ luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tòa án (HĐXX); b) Các quy định chung về HĐXX; c) Các quy định về HĐXXST tại phiên tòa.

4) Trong khoa học pháp lý nước ta đang tồn tại các quan điểm nhận thức khác nhau về “quyền tư pháp”, “tranh tụng” và các vấn đề liên quan đã dẫn đến nhận thức hoặc xác định không đúng, không đầy đủ và chính xác về địa vị pháp lý, về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án (HĐXX) trong TTHS.

5) BLTTHS năm 2003 được ban hành nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW. Tuy nhiên, sau hơn 10 năm áp dụng, Bộ luật này bộc lộ quá nhiều bất cập và ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả xét xử nói chung và xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự nói riêng. BLTTHS năm 2015 tuy đã được sửa đổi bổ sung nhiều nội dung mới nhưng chưa khắc phục hết các bất cập, tồn tại của Bộ luật này. Vì vậy, việc nghiên cứu nhằm tiếp tục hoàn thiện BLTTHS (và các quy định về HĐXXST nói riêng) là vấn đề cấp thiết ở nước ta hiện nay.

6) Để nâng cao chất lượng, hiệu quả xét xử nói chung và xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự nói riêng, trước hết cần đổi mới nhận thức lý luận về “quyền tư pháp”, về “tranh tụng” và các vấn đề khác có liên quan. Đây là cơ sở lý luận để hoàn thiện hệ thống pháp nói chung và BLTTHS (các quy định về HĐXXST) nói riêng. Ngoài ra, cũng cần tiến hành đồng bộ các giải pháp khác như: a) Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống TAND; b) Nâng cao năng lực xét xử cho đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm; c) Hoàn thiện cơ chế bảo đảm nguyên tắc “Thẩm phán, Hội thẩm độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật”; d) Tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn áp dụng pháp luật.

7) “*HĐXXST theo pháp luật TTHS Việt Nam*” là đề tài có nội dung rộng, phức tạp liên quan đến nhiều vấn đề khác của khoa học Luật TTHS. Vì vậy, với phạm vi của Luận văn, tác giả không thể đi sâu nghiên cứu đầy đủ các vấn đề có liên quan đến đề tài. Mặt khác, do trình độ và kiến thức còn hạn chế nên Luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Hy vọng với kết quả khiêm tốn đạt được, Luận văn sẽ góp một phần nhỏ bổ sung lý luận cho khoa học TTHS về HĐXXST và có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong quá trình tiếp tục hoàn thiện BLTTHS ở nước ta./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Chính phủ điện tử, Một số vấn đề về chế định Hội thẩm nhân dân
<http://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Mot-so-van-de-ve-che-dinh-Hoi-tham-nhan-dan/155171.vgp>
2. Báo Chính phủ điện tử, Một số vấn đề về chế định Hội thẩm nhân dân
<http://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Mot-so-van-de-ve-che-dinh-Hoi-tham-nhan-dan/155171.vgp>.
3. Bàn về vai trò của chế định Hội thẩm nhân dân ở nước ta hiện nay,
<http://www.luatdaiviet.vn/xem-tin-tuc/ban-ve-vai-tro-cua-che-dinh-hoi-tham-nhan-dan-o-nuoc-ta-hien-nay>.
4. Lê Văn Cẩm (2004), "Những vấn đề lý luận cơ bản về chế định các nguyên tắc của Luật tố tụng hình sự", Kiểm sát số 6.
5. Lê Tiên Châu (2001), Các chức năng tố tụng cơ bản trong TTHS, Luận văn thạc sỹ luật học, Hà Nội.
6. Nguyễn Ngọc Chí (2004), Tố tụng tranh tụng và vấn đề cải cách tư pháp ở Việt Nam (sách Cải cách tư pháp ở Việt nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền), NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
7. Nguyễn Ngọc Chí (2008), Các nguyên tắc cơ bản trong luật TTHS và những đề xuất sửa đổi bổ sung, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội Kinh tế - Luật số 24.
8. Nguyễn Đăng Dung (2004), Thể chế tư pháp trong Nhà nước pháp quyền, NXB Tư pháp.
9. Dantri.com.vn, Một cái vồ vai, một lời nói nhỏ... cũng làm “lệch” quan tòa!, <http://dantri.com.vn/chinh-tri/mot-cai-vo-vai-mot-loi-noi-nho-cung-lam-lech-quan-toa-846864.htm>.

10. Đảng cộng sản Việt Nam (2002), Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/1/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới.
11. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020.
12. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.
13. Trần Văn Độ, Vị trí, chức năng của TAND trong Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, <http://moj.gov.vn/npl/Pages/dm-tai-lieu-tham-khao.aspx?ItemID=13>.
14. Võ Trí Hảo, Cải cách tư pháp: Bồi thẩm đoàn hay vẫn là hội thẩm nhân dân? <http://www.thesaigontimes.vn/121969/Cai-cach-tu-phap-Boi-tham-doan-hay-van-la-hoi-tham-nhan-dan>.
15. Duy Hâu, Hệ thống Tòa án Pháp, dimichelle2012.blogspot.com/2010/03/toa-tu-phap-cong-hoa-phap.
16. Lê Hồng Hạnh, Làm thế nào để Thẩm phán và Tòa án độc lập trong thực thi công lý, Tạp chí Pháp luật và Phát triển, số 01/2015.
17. Hoàng Văn Hạnh (2000), Địa vị pháp lý của Hội thẩm trong Luật TTHS Việt Nam, Luận văn thạc sỹ luật học, Hà Nội.
18. Phạm Mạnh Hùng, Vấn đề kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp giữa Viện kiểm sát và Tòa án trong TTHS (Tổng hợp ý kiến tọa đàm về quyền tư pháp và việc cụ thể hóa quyền tư pháp trong Luật tổ chức TAND sửa đổi tại Hà Nội ngày 06/5/2014 và tại TP. Chí Minh ngày 15/5/2014), <http://toaan.gov.vn>.

19. Hương Nguyên, Đề chế định hội thẩm nhân dân không “mờ nhạt” tại tòa, <http://nhandan.com.vn/phapluat/cai-cach-tu-phap/item/item/21190702-de-che-dinh-hoi-tham-nhan-dan-khong-mor-nhat-tai-toa.html>.
20. Trần Kỳ, Nguyên tắc việc xét xử của Tòa án có Hội thẩm nhân dân tham gia, Hội thẩm ngang quyền với thẩm phán: Thực tiễn và những bất cập, <https://luathinhsu.wordpress.com/2012/01/05/nguyen-tac-viec-xet-xu-cua-toa-an-nhan-dan-co-hoi-tham-nhan-dan-tham-gia-hoi-tham-ngang-quyen-voi-tham-phap-thuc-tien-va-nhung-bat-cap/>
21. Liên hợp quốc (1966), Công ước về các quyền dân sự và chính trị.
22. Liên hợp quốc (1985) Nghị quyết về các nguyên tắc cơ bản về sự độc lập của cơ quan tư pháp.
23. Trần Đình Nhã, Về quyền tư pháp, hoạt động tư pháp, cơ quan tư pháp, kiểm sát hoạt động tư pháp, http://tks.edu.vn/portal/detailtks/6756_67__Mot-so-van-de-ve-quyen-tu-phap,-hoat-dong-tu-phap,-co-quan-tu-phap,-kiem-sat-hoat-dong-tu-phap.html.
24. Nguyễn Thái Phúc (2006), Nguyên tắc suy đoán vô tội, Tạp chí Nhà nước pháp luật số 11.
25. Đinh Văn Quế, Thủ tục xét xử sơ thẩm trong TTHS Việt Nam - Thực trạng và phương hướng hoàn thiện, <http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/79/33>;
26. Quốc hội, Hiến pháp Nước CHXHCN Việt Nam các năm 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013.
27. Quốc hội, BLHS các năm 1999 và 2015.
28. Quốc hội, Luật tổ chức TAND các năm 1960, 1981, 1992, 2002, 2014.
29. Quốc hội, BLTTHS các năm 1988, 2003 và 2015.

30. Quốc hội, Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 về lùi hiệu lực thi hành BLHS năm 2015, BLTTHS năm 2015; Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015 và Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015.
31. Lê Văn Quyến, Nâng cao vai trò hoạt động xét xử của Hội thẩm nhân dân trong điều kiện cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay, <http://wikiluat.com/2016/03/nang-cao-vai-tro-hoat-dong-xet-xu-cua-hoi-tham-nhan-dan-trong-dieu-kien-cai-cach-tu-phap-o-nuoc-ta-hien-nay/>
32. Hoàng Thị Minh Sơn, Những bất cập và hướng hoàn thiện thủ tục rút gọn trong tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, <https://luathinhsu.wordpress.com/2009/11/18/bat-cap-va-huong-hoan-thien-thu-tuc-rut-gon-trong-to-tung-hinh-su-dap-ung-yeu-cau-cai-cach-tu-phap/>
33. Lê Văn Sua, Chế định về Hội thẩm, vai trò của Hội thẩm khi tham gia xét xử - Một số kiến nghị hoàn thiện, <http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1862>.
34. Nguyễn Văn Thành, Bất cập Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử dân sự sơ thẩm, <http://luathuythanh.vn/vn/Bai-viet/Bat-cap-Hoi-tham-nhan-dan-tham-gia-Hoi-dong-xet-xu-dan-su-so-tham/6c509.html>.
35. Tòa án nhân dân tối cao (1976), Hệ thống hóa luật lệ về tố tụng hình sự, Tập I (1945 -1974), Hà Nội.
36. Tòa án nhân dân tối cao (1979), Hệ thống hóa luật lệ về tố tụng hình sự, Tập 2 (1975 -1979), Hà Nội.
37. Tòa án nhân dân tối cao (2004), Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 02/10/2004 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng

- dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “Những quy định chung” của BLTTHS.
38. Tòa án nhân dân tối cao (2004), Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn thi hành Phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm” của BLTTHS.
 39. Tòa án quân sự Trung ương (2005), Lịch sử 60 năm Tòa án quân sự Việt Nam (1945-2005), NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 40. Thông tư liên ngành số 01/TTLN-TANDTC-VKSNDTC ngày 8/12/1998 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLTTHS.
 41. Nguyễn Hữu Thế Trạch, Hội thẩm nhân dân: Không thể “ngồi cho có”, <http://nld.com.vn/phap-luat/hoi-tham-nhan-dan-khong-the-ngoi-cho-co-20140409205436884.htm>.
 42. Nguyễn Văn Tuấn (2008), Địa vị pháp lý của những người tiên hành tố tụng, Tạp chí TAND số 02.
 43. Phạm Minh Tuyên (2008), Một số vướng mắc trong áp dụng Bộ luật TTHS năm 2003 và những kiến nghị sửa đổi, Tạp chí TAND số 21.
 44. Trung tâm Thông tin thư viện và nghiên cứu khoa học Văn phòng Quốc hội, Hiến pháp của Hợp chủng quốc Hoa kỳ (bản dịch).
 45. Trung tâm Từ điển học (2007), Từ điển tiếng Việt, NXB Đà Nẵng.
 46. Trường Đại học luật Hà Nội (2010), Giáo trình luật TTHS, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
 47. Trường Đại học luật Hà Nội (2009), Hoàn thiện pháp luật TTHS nhằm nâng cao hiệu quả xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp, Đề tài khoa học cấp trường.
 48. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2002), Pháp lệnh Tổ chức TAQS.
 49. Đào Trí Úc, Xác định Tòa án có vị trí trung tâm, xét xử là hoạt động trọng tâm, <http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/79/27>.

50. Đào Trí Úc (2012), Cải cách tư pháp và việc hoàn thiện các nguyên tắc cơ bản của tổ tụng hình sự Việt Nam, Tạp chí Kiểm sát số 08.
51. Viện khoa học pháp lý - Bộ tư pháp (2006), Từ điển Luật học, NXB Từ điển bách khoa - NXB Tư pháp.
52. Viện Khoa học kiểm sát (2002), Bộ luật tố tụng hình sự năm 2001 của Nga, Phụ trương Thông tin Khoa học pháp lý.
53. Viện Khoa học kiểm sát (2002), Bộ luật tố tụng hình sự Nhật bản, Phụ trương Thông tin Khoa học pháp lý.
54. Viện Khoa học Kiểm sát (2003), Bộ luật tố tụng hình sự của Cộng hòa Pháp, Phụ trương thông tin Khoa học pháp lý.
55. VKSNDTC, Báo cáo tổng kết thực tiễn 10 năm thi hành BLTTHS năm 2003 (trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XIII), http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT_DUTHAO_LUAT/View_Detail.aspx?ItemID=561&TabIndex=2&TaiLieuID=193.